|  |  |
| --- | --- |
| **ỦY BAN NHÂN DÂN**  **TỈNH HÀ TĨNH**  Số: 1732/QĐ-UBND | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  *Hà Tĩnh, ngày 15 tháng 7 năm 2024* |

**QUYẾT ĐỊNH**

**Công bố Danh mục và Quy trình nội bộ thủ tục hành chính**

**được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực Quốc tịch, Hộ tịch, Lý lịch tư pháp thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tư pháp tỉnh Hà Tĩnh**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;*

*Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tư pháp tại Văn bản số 1341/STP-VP ngày 05/7/2024.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục và Quy trình nội bộ 05 (năm) thủ tục hành chính trong lĩnh vực Quốc tịch, 02 (hai) thủ tục hành chính trong lĩnh vực Hộ tịch, 03 (ba) thủ tục hành chính lĩnh vực Lý lịch tư pháp được sửa đổi, bổ sung thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tư pháp tỉnh Hà Tĩnh.

**Điều 2.** Giao Sở Tư pháp chủ trì, phối hợp với Văn phòng UBND tỉnh (Trung tâm Công báo - Tin học) và các cơ quan, đơn vị liên quan căn cứ Quyết định này, trong thời hạn 03 ngày làm việc xây dựng quy trình điện tử giải quyết thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của tỉnh theo đúng quy định.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ban hành; thay thế Danh mục và Quy trình nội bộ thủ tục hành chính lĩnh vực Quốc tịch tại Quyết định số 3376/QĐ-UBND ngày 06/10/2020 của UBND tỉnh; Danh mục và Quy trình nội bộ thủ tục hành chính lĩnh vực Hộ tịch tại Quyết định số 08/QĐ-UBND ngày 02/01/2024 của UBND tỉnh; Danh mục và Quy trình nội bộ thủ tục hành chính lĩnh vực Lý lịch tư pháp tại Quyết định số 3701/QĐ-UBND ngày 12/11/2021 của UBND tỉnh.

**Điều 4.** Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc Sở Tư pháp; Giám đốc: Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, Trung tâm Công báo - Tin học tỉnh và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***  - Như Điều 4;  - Bộ Tư pháp;  - Cục Kiểm soát TTHC - VP Chính phủ;  - Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;  - Trung tâm CB-TH tỉnh;  - Lưu: VT, NC1. | **KT. CHỦ TỊCH**  **PHÓ CHỦ TỊCH**  **Nguyễn Hồng Lĩnh** |

**DANH MỤC VÀ QUY TRÌNH NỘI BỘ GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH**

**THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ TƯ PHÁP TỈNH HÀ TĨNH**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số......... /QĐ-UBND ngày / /2024 của Chủ tịch UBND tỉnh Hà Tĩnh)*

**PHẦN I. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH**

| **TT** | **Tên thủ tục**  **hành chính** | **Ký hiệu quy trình** | **Thời hạn giải quyết** | **Địa điểm thực hiện** | **Phí, lệ phí**  **(nếu có)** | **Căn cứ pháp lý** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **I** | **LĨNH VỰC QUỐC TỊCH (05 TTHC)** | | | | | | |
| 1 | Thủ tục cấp Giấy xác nhận là người gốc Việt Nam | QT.QT.01 | 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Hà Tĩnh (Số 02A, đường Nguyễn Chí Thanh, thành phố Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh);  - Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh:  <http://dichvucong.hatinh.gov.vn> | - Phí: Không  - Lệ phí: 100.000 đồng/ trường hợp.  Miễn lệ phí đối với: người di cư từ Lào được phép cư trú xin xác nhận là người gốc Việt Nam theo quy định của điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên; kiều bào Việt Nam tại các nước láng giềng có chung đường biên giới đất liền với Việt Nam có hoàn cảnh kinh tế khó khăn, có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã. | - Luật Quốc tịch Việt Nam năm 2008.  - Nghị định số 16/2020/NĐ-CP ngày 03/02/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Quốc tịch Việt Nam.  - Thông tư số 02/2020/TT-BTP ngày 08/4/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp ban hành, hướng dẫn sử dụng, quản lý mẫu sổ quốc tịch và mẫu giấy tờ về quốc tịch.  - Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí khai thác, sử dụng thông tin trong cơ sở dữ liệu hộ tịch, phí xác nhận có quốc tịch Việt Nam, phí xác nhận là người gốc Việt Nam, lệ phí quốc tịch.  - Thông tư số 264/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp và quản lý sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực ngoại giao áp dụng tại các Cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài.  *- Thông tư số 04/2024/TT-BTP ngày 06/6/2024 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2020/TT-BTP ngày 08/4/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp ban hành, hướng dẫn sử dụng, quản lý mẫu sổ quốc tịch và mẫu giấy tờ về quốc tịch và Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch.*  - *Quyết định số 1078/QĐ-BTP ngày 11/6/2024 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực Quốc tịch thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tư pháp.* |
| 2 | Thủ tục nhập quốc tịch Việt Nam | QT.QT.02 | - Trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Tư pháp gửi văn bản đề nghị cơ quan Công an tỉnh xác minh về nhân thân của người xin nhập quốc tịch Việt Nam.  - Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được đề nghị của Sở Tư pháp, cơ quan Công an tỉnh có trách nhiệm xác minh và gửi kết quả đến Sở Tư pháp. Trong thời gian này, Sở Tư pháp phải tiến hành thẩm tra giấy tờ trong hồ sơ xin nhập quốc tịch Việt Nam; lập danh mục đầy đủ các giấy tờ trong từng hồ sơ, kèm danh sách những người xin nhập quốc tịch Việt Nam theo mẫu quy định.  - Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được kết quả xác minh, Sở Tư pháp có trách nhiệm hoàn tất hồ sơ trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.  - Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đề nghị của Sở Tư pháp, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh có trách nhiệm xem xét, kết luận và đề xuất ý kiến gửi Bộ Tư pháp.  - Trong thời hạn 20 ngày, kể từ ngày nhận được văn bản đề xuất của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, Bộ Tư pháp có trách nhiệm kiểm tra lại hồ sơ, nếu xét thấy có đủ điều kiện nhập quốc tịch Việt Nam thì gửi thông báo bằng văn bản cho người xin nhập quốc tịch Việt Nam để làm thủ tục xin thôi quốc tịch nước ngoài, trừ trường hợp người xin nhập quốc tịch Việt Nam xin giữ quốc tịch nước ngoài (người này phải đáp ứng đủ điều kiện để được coi là trường hợp đặc biệt) hoặc là người không quốc tịch.  Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được giấy xác nhận thôi quốc tịch nước ngoài của người xin nhập quốc tịch Việt Nam, Bộ trưởng Bộ Tư pháp thừa ủy quyền Thủ tướng Chính phủ ký Tờ trình đề nghị Chủ tịch nước xem xét, quyết định.  - Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được đề nghị của Thủ tướng Chính phủ, Chủ tịch nước xem xét, quyết định. | Như trên | - Phí: Không  - Lệ phí: 3.000.000 đồng/ trường hợp  - Miễn lệ phí đối với những trường hợp sau:  + Người có công lao đặc biệt đóng góp cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc Việt Nam (phải là người được tặng thưởng Huân chương, Huy chương, danh hiệu cao quý khác của Nhà nước Việt Nam dân chủ cộng hòa, Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam, Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam hoặc được cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam xác nhận về công lao đặc biệt đó).  + Người không quốc tịch có hoàn cảnh kinh tế khó khăn, có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã nơi cư trú. | Như trên |
| 3 | Thủ tục trở lại quốc tịch Việt Nam ở trong nước | QT.QT.03 | - Trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Tư pháp gửi văn bản đề nghị cơ quan Công an tỉnh xác minh về nhân thân của người xin trở lại quốc tịch Việt Nam.  - Trong thời hạn 10 ngày làm việc từ ngày nhận được đề nghị của Sở Tư pháp, cơ quan Công an tỉnh có trách nhiệm xác minh và gửi kết quả đến Sở Tư pháp.  - Trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được kết quả xác minh, Sở Tư pháp có trách nhiệm hoàn tất hồ sơ trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.  - Trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đề nghị của Sở Tư pháp, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh có trách nhiệm xem xét, kết luận và đề xuất ý kiến gửi Bộ Tư pháp.  - Trong thời hạn 20 ngày, kể từ ngày nhận được văn bản đề xuất của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, Bộ Tư pháp có trách nhiệm kiểm tra lại hồ sơ. Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được giấy xác nhận thôi quốc tịch nước ngoài của người xin trở lại quốc tịch Việt Nam, Bộ trưởng Bộ Tư pháp báo cáo Thủ tướng Chính phủ trình Chủ tịch nước xem xét, quyết định.  Trường hợp người xin trở lại quốc tịch Việt Nam xin giữ quốc tịch nước ngoài, người xin trở lại quốc tịch Việt Nam là người không quốc tịch thì trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được văn bản đề xuất của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, Bộ Tư pháp có trách nhiệm kiểm tra lại hồ sơ, báo cáo Thủ tướng Chính phủ trình Chủ tịch nước xem xét, quyết định.  - 20 ngày, kể từ ngày nhận được đề nghị của Thủ tướng Chính phủ, Chủ tịch nước xem xét, quyết định. | Như trên | - Phí: Không  - Lệ phí: 2.500.000  đồng/ trường hợp.  - Miễn lệ phí đối với những trường hợp sau:  + Người có công lao đặc biệt đóng góp cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc Việt Nam (phải là người được tặng thưởng Huân chương, Huy chương, danh hiệu cao quý khác của Nhà nước Việt Nam dân chủ cộng hòa, Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam, Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam hoặc được cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam xác nhận về công lao đặc biệt đó).  + Người mất quốc tịch có hoàn cảnh kinh tế khó khăn, có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã nơi cư trú. | Như trên |
| 4 | Thủ tục thôi quốc tịch Việt Nam ở trong nước | QT.QT.04 | - Trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Tư pháp có trách nhiệm:  + Đăng thông báo về việc xin thôi quốc tịch Việt Nam trên một tờ báo viết hoặc báo điện tử ở địa phương trong ba số liên tiếp và gửi đăng trên Trang thông tin điện tử của Bộ Tư pháp. Thông báo trên Trang Thông tin điện tử phải được lưu giữ trong thời gian ít nhất 30 ngày, kể từ ngày đăng thông báo.  + Đề nghị cơ quan Công an tỉnh xác minh về nhân thân của người xin thôi quốc tịch Việt Nam.  - Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị của Sở Tư pháp, cơ quan Công an tỉnh có trách nhiệm xác minh và gửi kết quả đến Sở Tư pháp.  - Trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được kết quả xác minh, Sở Tư pháp có trách nhiệm hoàn tất hồ sơ trình Chủ tịch UBND tỉnh.  - Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị của Sở Tư pháp, Chủ tịch UBND tỉnh có trách nhiệm xem xét, kết luận và đề xuất ý kiến gửi Bộ Tư pháp.  - 20 ngày, kể từ ngày nhận được văn bản đề xuất của Chủ tịch UBND tỉnh, Bộ Tư pháp có trách nhiệm kiểm tra lại hồ sơ, báo cáo Thủ tướng Chính phủ trình Chủ tịch nước xem xét, quyết định.  - 20 ngày, kể từ ngày nhận được đề nghị của Thủ tướng Chính phủ, Chủ tịch nước xem xét, quyết định. | Như trên | - Phí: Không  - Lệ phí: 2.500.000 đồng/ trường hợp | Như trên |
| 5 | Thủ tục cấp Giấy xác nhận có quốc tịch Việt Nam ở trong nước | QT.QT.05 | - Đối với trường hợp có giấy tờ chứng minh quốc tịch Việt Nam:  + Trong thời hạn 02 làm việc, kể từ ngày thụ lý hồ sơ, Sở Tư pháp kiểm tra hồ sơ, trực tiếp tra cứu hoặc có văn bản đề nghị Bộ Tư pháp tra cứu quốc tịch Việt Nam;  + Trong thời hạn 10 ngày làm việc Bộ Tư pháp tiến hành tra cứu và có văn bản trả lời Sở Tư pháp. Nếu có nghi ngờ về tính xác thực của giấy tờ chứng minh quốc tịch Việt Nam thì Sở Tư pháp yêu cầu cơ quan đã cấp giấy tờ đó xác minh; trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị của Sở Tư pháp, cơ quan đã cấp giấy tờ đó tiến hành xác minh và có văn bản trả lời Sở Tư pháp.  + Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được kết quả tra cứu, xác minh, nếu có đủ căn cứ để xác định quốc tịch Việt Nam và người đó không có tên trong danh sách được thôi quốc tịch, bị tước quốc tịch, bị hủy bỏ quyết định cho nhập quốc tịch Việt Nam, Sở Tư pháp ghi vào Sổ cấp Giấy xác nhận có quốc tịch Việt Nam; người đứng đầu cơ quan ký và cấp Giấy xác nhận có quốc tịch Việt Nam theo mẫu quy định cho người yêu cầu.  Nếu không có cơ sở để cấp Giấy xác nhận có quốc tịch Việt Nam, Sở Tư pháp trả lời bằng văn bản cho người yêu cầu biết.  - Đối với trường hợp không có giấy tờ chứng minh quốc tịch Việt Nam, nhưng có giấy tờ làm cơ sở để xác định có quốc tịch Việt Nam theo quy định tại khoản 2 Điều 28 của Nghị định số 16/2020/NĐ-CP:  + Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày thụ lý hồ sơ, Sở Tư pháp chủ động tra cứu hoặc đề nghị Bộ Tư pháp tra cứu quốc tịch Việt Nam.  + Trong thời hạn 10 ngày làm việc, Bộ Tư pháp tiến hành tra cứu và có văn bản trả lời Sở Tư pháp. Đồng thời, Sở Tư pháp có văn bản đề nghị cơ quan Công an cùng cấp xác minh về nhân thân của người có yêu cầu; trong thời hạn 45 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đề nghị của Sở Tư pháp, cơ quan Công an tiến hành xác minh và có văn bản trả lời Sở Tư pháp.  + Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được kết quả tra cứu, xác minh, nếu có đủ căn cứ để xác định quốc tịch Việt Nam và người đó không có tên trong danh sách được thôi quốc tịch, bị tước quốc tịch, bị hủy bỏ quyết định cho nhập quốc tịch Việt Nam, Sở Tư pháp ghi vào Sổ cấp Giấy xác nhận có quốc tịch Việt Nam; người đứng đầu cơ quan ký và cấp Giấy xác nhận có quốc tịch Việt Nam theo mẫu quy định cho người yêu cầu.  Nếu không có cơ sở để cấp Giấy xác nhận có quốc tịch Việt Nam, Sở Tư pháp trả lời bằng văn bản cho người yêu cầu biết. | Như trên | - Phí: Không;  - Lệ phí: 100.000 đồng/ trường hợp;  - Miễn lệ phí đối với người di cư từ Lào được phép cư trú xin xác nhận có quốc tịch Việt Nam theo quy định của điều ước quốc tế mà nước CHXHCN Việt Nam là thành viên; kiều bào Việt Nam tại các nước láng giềng có chung đường biên giới đất liền với Việt Nam, có hoàn cảnh kinh tế khó khăn, có xác nhận của UBND cấp xã. | Như trên |
| **II** | **LĨNH VỰC HỘ TỊCH (02 TTHC)** | | | | | |
| 1. | Cấp bản sao trích lục hộ tịch | QT.HT.01 | Trong ngày làm việc. Trường hợp nhận hồ sơ sau 15 giờ mà không giải quyết được ngay thì trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo. | - Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Hà Tĩnh (Số 02A, đường Nguyễn Chí Thanh, thành phố Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh);  - Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh:  <http://dichvucong.hatinh.gov.vn> hoặc https://dichvucong.gov.vn | - Phí: 8.000 đồng/bản.  - Lệ phí: Không. | - [Luật Hộ](http://moj.gov.vn/vbpq/Lists/Vn%20bn%20php%20lut/View_Detail.aspx?ItemID=6123) tịch năm 2014.  - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch.  - Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến.  - Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp hướng dẫn chi tiết thi hành một số điều của Luật Hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch.  - Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp hướng dẫn chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến.  - Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí khai thác, sử dụng thông tin trong cơ sở dữ liệu hộ tịch, phí xác nhận có quốc tịch Việt Nam, phí xác nhận là người gốc Việt Nam, lệ phí quốc tịch.  - Thông tư số 03/2023/TT-BTP ngày 02/8/2023 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến.  - *Thông tư số 04/2024/TT-BTP ngày 06/6/2024 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2020/TT-BTP ngày 08/4/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp ban hành, hướng dẫn sử dụng, quản lý mẫu sổ quốc tịch và mẫu giấy tờ về quốc tịch và Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch.*  *- Quyết định số 1079/QĐ-BTP ngày 11/6/2024 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực hộ tịch thực hiện tại cơ quan đăng ký hộ tịch thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tư pháp.* |
| 2 | Xác nhận thông tin hộ tịch | QT.HT.02 | 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. Trường hợp phải kiểm tra, xác minh thì thời hạn có thể kéo dài nhưng không quá 10 ngày làm việc. | Như trên | - Phí: 8.000 đồng/Văn bản xác nhận về một việc hộ tịch của cá nhân đã đăng ký.  - Lệ phí: Không. | Như trên |
| **III** | **LĨNH VỰC LÝ LỊCH TƯ PHÁP (03 TTHC)** | | | | | |
| 1 | Thủ tục cấp Phiếu lý lịch tư pháp cho công dân Việt Nam, người nước ngoài đang cư trú tại Việt Nam | QT.LLTP.01 | - 08 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.  - Đối với trường hợp người được cấp Phiếu lý lịch tư pháp là công dân Việt Nam đã cư trú nhiều nơi hoặc có thời gian cư trú ở nước ngoài, người nước ngoài, trường hợp phải xác minh điều kiện đương nhiên được xóa án tích thì không quá 15 ngày làm việc. | - Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Hà Tĩnh (Số 02A, đường Nguyễn Chí Thanh, thành phố Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh);  - Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh:  <http://dichvucong.hatinh.gov.vn> hoặc https://dichvucong.gov.vn | - Phí cung cấp thông tin lý lịch tư pháp: 200.000 đồng/ lần/người;  - Phí cung cấp thông tin lý lịch tư pháp của sinh viên, người có công với cách mạng, thân nhân liệt sỹ (gồm cha đẻ, mẹ đẻ, vợ (hoặc chồng), con (con đẻ, con nuôi), người có công nuôi dưỡng liệt sỹ): 100.000 đồng/lần/người;  - Trường hợp người yêu cầu cấp Phiếu lý lịch tư pháp đề nghị cấp trên 02 Phiếu lý lịch tư pháp trong một lần yêu cầu, thì kể từ Phiếu thứ 03 trở đi tổ chức thu phí được thu thêm 5.000 đồng/phiếu.  - Các trường hợp được miễn phí:  + Trẻ em theo quy định tại Luật Bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em.  + Người cao tuổi theo quy định tại Luật Người cao tuổi.  + Người khuyết tật theo quy định tại Luật Người khuyết tật.  + Người thuộc hộ nghèo theo quy định tại Quyết định số 59/2015/QĐ-TTg ngày 19/11/ 2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành chuẩn nghèo tiếp cận đa chiều áp dụng cho giai đoạn 2016 - 2020.  + Người cư trú tại các xã đặc biệt khó khăn, đồng bào dân tộc thiểu số ở các xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, xã biên giới, xã an toàn khu theo quy định của pháp luật. | - Luật Lý lịch tư pháp số 28/2009/QH12.  - Luật Nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam số 51/2019/QH14.  *- Luật Căn cước số 26/2023/QH15.*  - Luật Cư trú số 68/2020/QH14 ngày 13/11/2020.  - Nghị định số 111/2010/NĐ-CP ngày 23/11/2010 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Lý lịch tư pháp.  - Nghị định số 45/2020/NĐ-CP ngày 08/4/2020 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử.  - Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính; Nghị định số 107/2021/NĐ-CP ngày 06/12/2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính.  - Nghị định số 42/2022/NĐ-CP ngày 24/6/2022 của Chính phủ quy định về việc cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến của cơ quan nhà nước trên môi trường mạng.  - Thông tư số 13/2011/TT-BTP ngày 27/6/2011 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc ban hành và hướng dẫn sử dụng biểu mẫu và mẫu sổ lý lịch tư pháp.  - Thông tư liên tịch số 04/2012/TTLT-BTP-TANDTC-VKSNDTC-BCA-BQP ngày 10/5/2012 của Bộ Tư pháp, Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Công an, Bộ Quốc phòng hướng dẫn trình tự, thủ tục tra cứu, xác minh, trao đổi, cung cấp thông tin lý lịch tư pháp.  - Thông tư số 16/2013/TT-BTP ngày 11/11/2013 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 13/2011/TT-BTP ngày 27/6/2011 về việc ban hành và hướng dẫn sử dụng biểu mẫu và mẫu sổ lý lịch tư pháp.  - Thông tư số 244/2016/TT-BTC ngày 11//11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí cung cấp thông tin lý lịch tư pháp.  *- Thông tư số 06/2024/TT-BTP ngày 19/6/2024 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư ban hành và hướng dẫn sử dụng biểu mẫu và mẫu sổ lý lịch tư pháp.*  - Quyết định số 45/2016/QĐ-TTg ngày 19/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính qua dịch vụ bưu chính công ích.  *- Quyết định số 1235/QĐ-BTP ngày 01/7/2024 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực lý lịch tư pháp thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tư pháp.* |
| 2 | Thủ tục cấp Phiếu lý lịch tư pháp cho cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội (đối tượng là công dân Việt Nam, người nước ngoài đang cư trú tại Việt Nam) | QT.LLTP.02 | - 08 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.  - Đối với trường hợp người được cấp phiếu lý lịch tư pháp là công dân Việt Nam đã cư trú nhiều nơi hoặc có thời gian cư trú ở nước ngoài, người nước ngoài, trường hợp phải xác minh điều kiện đương nhiên được xóa án tích thì không quá 15 ngày làm việc. | Như trên | Phí, lệ phí: Không | Như trên |
| 3 | Thủ tục cấp Phiếu lý lịch tư pháp cho cơ quan tiến hành tố tụng (đối tượng là công dân Việt Nam, người nước ngoài đang cư trú tại Việt Nam) | QT.LLTP.03 | - 08 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ hơ hợp lệ.  - Đối với trường hợp người được cấp phiếu lý lịch tư pháp là công dân Việt Nam đã cư trú nhiều nơi hoặc có thời gian cư trú ở nước ngoài, người nước ngoài, trường hợp phải xác minh điều kiện đương nhiên được xóa án tích thì không quá 15 ngày làm việc.  - Trường hợp khẩn cấp quy định tại khoản 1 Điều 46 Luật Lý lịch tư pháp thì thời hạn không quá 24 giờ, kể từ thời điểm nhận được yêu cầu. | Như trên | Phí, lệ phí: Không | Như trên |

**PHẦN II. QUY TRÌNH NỘI BỘ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH**

**I. LĨNH VỰC QUỐC TỊCH**

**1. Cấp Giấy xác nhận là người gốc Việt Nam**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **1** | **KÝ HIỆU QUY TRÌNH** | | | | **QT.QT.01** | | | |
| **2** | **NỘI DUNG QUY TRÌNH** | | | | | | | |
| **2.1** | **Điều kiện thực hiện TTHC:** | | | | | | | |
|  | Không | | | | | | | |
| **2.2** | **Cách thức thực hiện TTHC:** | | | | | | | |
|  | Thực hiện trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích đến Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh Hà Tĩnh - Số 02A, đường Nguyễn Chí Thanh, thành phố Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh. | | | | | | | |
| **2.3** | **Thành phần hồ sơ, bao gồm:** | | | | | | **Bản chính** | **Bản sao** |
| **-** | *Tờ khai đề nghị xác nhận là người gốc Việt Nam (Mẫu BM.QT.01.01)* hoặc *Tờ khai đề nghị xác nhận là người gốc Việt Nam dùng cho người đại diện theo pháp luật đề nghị cấp Giấy xác nhận là người gốc Việt Nam cho người được đại diện (Mẫu BM.QT.01.02)* kèm 02 ảnh 4x6 chụp chưa quá 6 tháng. | | | | | | x |  |
| **-** | Giấy tờ về nhân thân của người đó như: Chứng minh nhân dân, Căn cước công dân, giấy tờ cư trú, thẻ tạm trú, giấy thông hành, giấy tờ có giá trị đi lại quốc tế hoặc giấy tờ xác nhận về nhân thân có dán ảnh do cơ quan có thẩm quyền cấp. | | | | | |  | x |
| **-** | Giấy tờ được cấp trước đây để chứng minh người đó đã từng có quốc tịch Việt Nam hoặc giấy tờ để chứng minh khi sinh ra người đó có cha mẹ hoặc ông bà nội, ông bà ngoại đã từng có quốc tịch Việt Nam. | | | | | |  | x |
| **-** | Trường hợp không có bất kỳ giấy tờ nào nêu trên thì tùy từng hoàn cảnh cụ thể, có thể nộp bản sao giấy tờ về nhân thân, quốc tịch, hộ tịch do chế độ cũ ở miền Nam cấp trước ngày 30 tháng 4 năm 1975; giấy tờ do chính quyền cũ ở Hà Nội cấp từ năm 1911 đến năm 1956; giấy bảo lãnh của Hội đoàn người Việt Nam ở nước ngoài nơi người đó đang cư trú, trong đó xác nhận người đó có gốc Việt Nam; giấy bảo lãnh của người có quốc tịch Việt Nam, trong đó xác nhận người đó có gốc Việt Nam; giấy tờ do cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài cấp trong đó ghi quốc tịch Việt Nam hoặc quốc tịch gốc Việt Nam. | | | | | |  | x |
|  | *Trường hợp pháp luật quy định giấy tờ phải nộp là bản sao thì người yêu cầu giải quyết các việc về quốc tịch có thể nộp giấy tờ là bản chụp từ bản chính, bản sao được chứng thực từ bản chính hoặc bản sao được cấp từ sổ gốc. Nếu nộp bản chụp từ bản chính thì phải có bản chính để đối chiếu; người tiếp nhận hồ sơ kiểm tra, đối chiếu bản sao với bản chính và ký xác nhận đã đối chiếu.*  *Trường hợp hồ sơ được gửi qua hệ thống bưu chính thì bản sao giấy tờ phải được chứng thực từ bản chính hoặc được cấp từ sổ gốc; Đơn, Tờ khai, Bản khai lý lịch phải được chứng thực chữ ký theo quy định của pháp luật.* | | | | | | | |
| **2.4** | **Số lượng hồ sơ:** 01 bộ. | | | | | | | |
| **2.5** | **Thời hạn giải quyết:** 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. | | | | | | | |
| **2.6** | **Địa điểm tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC:**  Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh Hà Tĩnh - Số 02A, đường Nguyễn Chí Thanh, thành phố Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh. | | | | | | | |
| **2.7** | **Cơ quan thực hiện:** Sở Tư pháp.  **Cơ quan có thẩm quyền quyết định**: Sở Tư pháp.  **Cơ quan được ủy quyền:** Không.  **Cơ quan phối hợp:** Không | | | | | | | |
| **2.8** | **Đối tượng thực hiện TTHC:** Cá nhân | | | | | | | |
| **2.9** | **Kết quả giải quyết TTHC:**  - Hồ sơđủ điều kiện: Giấy xác nhận là người gốc Việt Nam.  - Hồ sơ không đủ điều kiện: Văn bản thông báo cho công dân không đủ điều kiện cấp giấy. | | | | | | | |
| **2.10** | **Quy trình xử lý công việc** | | | | | | | |
| **TT** | **Trình tự** | | **Trách nhiệm** | **Thời gian** | | **Biểu mẫu/Kết quả** | | |
| B1 | 1. Tiếp nhận hồ sơ:  Tiếp nhận hồ sơ trực tiếp từ tổ chức hoặc từ hệ thống bưu chính.  2. Công chức TN&TKQ kiểm tra hồ sơ:  - Nếu hồ sơ đầy đủ, hợp lệ thì làm thủ tục tiếp nhận hồ sơ, hẹn trả kết quả cho tổ chức, cá nhân và thu phí theo quy định (nếu có).  - Nếu hồ sơ chưa đầy đủ hoặc không hợp lệ thì hướng dẫn bổ sung, hoàn thiện hồ sơ. Nếu không bổ sung, hoàn thiện được thì từ chối tiếp nhận hồ sơ. | | Công chức TN&TKQ | Giờ hành chính | | Mẫu 01, 02 (nếu có), 06 và Hồ sơ theo mục 2.3 | | |
| B2 | Chuyển hồ sơ cho Phòng Hành chính và bổ trợ tư pháp (HC&BTTP) xử lý | | Công chức TN&TKQ | 1 ngày | | Mẫu 01, 05 và Hồ sơ kèm theo | | |
| B3 | Duyệt hồ sơ, chuyển cho chuyên viên xử lý | | Lãnh đạo phòng HC&BTTP | 02 giờ | | Mẫu 05 và Hồ sơ kèm theo | | |
| B4 | Chuyên viên được phân công có trách nhiệm xem xét các giấy tờ do người yêu cầu xuất trình và kiểm tra, đối chiếu cơ sở dữ liệu, tài liệu có liên quan đến quốc tịch (nếu có):  - Trường hợp hồ sơđủ điều kiện: Dự thảo Giấy xác nhận là người gốc Việt Nam  - Trường hợp hồ sơ không đủ điều kiện: Dự thảo Văn bản thông báo cho công dân không đủ điều kiện cấp giấy  Trình lãnh đạo phòng | | Chuyên viên Phòng HC&BTTP | 2 ngày | | Mẫu 05 và Dự thảo Giấy xác nhận là người gốc Việt Nam hoặc dự thảo Văn bản thông báo cho công dân không đủ điều kiện cấp giấy | | |
| B5 | Kiểm tra hồ sơ, ký nháy, duyệt dự thảo kết quả giải quyết TTHC tại B4, trực tiếp hoặc giao chuyên viên trình lãnh đạo Sở | | Lãnh đạo Phòng HC&BTTP | 0,5 ngày | | Mẫu 05 và Dự thảo Giấy xác nhận là người gốc Việt Nam hoặc dự thảo Văn bản thông báo cho công dân không đủ điều kiện cấp giấy đã ký nháy | | |
| B6 | Ký duyệt dự thảo kết quả giải quyết TTHC tại B5, chuyển Phòng HC&BTTP để phát hành | | Lãnh đạo Sở Tư pháp | 0,5 ngày | | Mẫu 05 và Giấy xác nhận là người gốc Việt Nam hoặc Văn bản thông báo cho công dân không đủ điều kiện cấp giấy | | |
| B7 | Phát hành văn bản và trả kết quả cho Bộ phận TN & TKQ tại Trung tâm PVHCC tỉnh | | Văn thư | 02 giờ | | Mẫu 05, 06 và Giấy xác nhận là người gốc Việt Nam hoặc Văn bản thông báo cho công dân không đủ điều kiện cấp giấy | | |
| B8 | Trả kết quả cho tổ chức cá nhân | | Công chức TN&TKQ | Giờ hành chính | | Mẫu 01, 06 kèm Giấy xác nhận là người gốc Việt Nam hoặc Văn bản thông báo cho công dân không đủ điều kiện cấp giấy | | |
|  | - Trường hợp hồ sơ quá hạn xử lý, trong thời gian chậm nhất 01 ngày trước ngày hết hạn xử lý, cơ quan giải quyết TTHC ban hành phiếu xin lỗi và hẹn lại ngày trả kết quả chuyển sang Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh để gửi cho tổ chức, cá nhân.  \* Trong quá trình giải quyết hồ sơ người có trách nhiệm thực hiện cần thực hiện đồng thời các thao tác tiếp nhận/chuyển/trả hồ sơ, kết quả giải quyết trên Cổng Dịch vụ công Quốc gia tại địa chỉ <https://dichvucong.gov.vn> hoặc Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh Hà Tĩnh tại địa chỉ <https://dichvucong.hatinh.gov.vn> với các bước trong quy trình. | | | | | | | |
| **3** | **BIỂU MẪU** | | | | | | | |
|  | Mẫu 01 | Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả | | | | | | |
|  | Mẫu 02 | Phiếu yêu cầu bổ sung hoàn thiện hồ sơ | | | | | | |
|  | Mẫu 03 | Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ | | | | | | |
|  | Mẫu 04 | Phiếu xin lỗi và hẹn lại ngày trả kết quả | | | | | | |
|  | Mẫu 05 | Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ | | | | | | |
|  | Mẫu 06 | Sổ theo dõi hồ sơ | | | | | | |
|  | *BM.QT.01.01* | *Tờ khai xác nhận là người gốc Việt Nam* | | | | | | |
|  | *BM.QT.01.02* | *Tờ khai đề nghị xác nhận là người gốc Việt Nam dùng cho người đại diện theo pháp luật đề nghị cấp Giấy xác nhận là người gốc Việt Nam cho người được đại diện* | | | | | | |
| **4** | **HỒ SƠ LƯU** | | | | | | | |
| - | Mẫu 01, 02, 03, 04 (nếu có) và 06 lưu tại Bộ phận TN&TKQ của Sở Tư pháp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh. Mẫu 01, 05 lưu theo hồ sơ. | | | | | | | |
| - | Hồ sơ đầu vào theo mục 2.3. | | | | | | | |
| - | Giấy xác nhận là người gốc Việt Nam hoặc văn bản thông báo cho cá nhân biết trong trường hợp không đủ điều kiện để xác nhận là người gốc Việt Nam. | | | | | | | |
| - | Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh Hà Tĩnh. | | | | | | | |
| Hồ sơ được lưu tại Phòng HC&BTTP, thời gian lưu 03 năm. Sau khi hết hạn, chuyển hồ sơ xuống bộ phận lưu trữ của cơ quan và lưu trữ theo quy định hiện hành. | | | | | | | | |

**2. Nhập quốc tịch Việt Nam**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **1** | **KÝ HIỆU QUY TRÌNH** | | | | **QT.QT.02** | | | |
| **2** | **NỘI DUNG QUY TRÌNH** | | | | | | | |
| **2.1** | **Điều kiện thực hiện TTHC:** | | | | | | | |
|  | - Công dân nước ngoài và người không quốc tịch đang thường trú ở Việt Nam có đơn xin nhập quốc tịch Việt Nam thì có thể được nhập quốc tịch Việt Nam, nếu có đủ các điều kiện sau đây:  + Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ theo quy định của pháp luật Việt Nam;  + Tuân thủ Hiến pháp và pháp luật Việt Nam; tôn trọng truyền thống, phong tục, tập quán của dân tộc Việt Nam;  + Biết tiếng Việt đủ để hoà nhập vào cộng đồng Việt Nam;  + Đã thường trú ở Việt Nam từ 5 năm trở lên tính đến thời điểm xin nhập quốc tịch Việt Nam;  + Có khả năng bảo đảm cuộc sống tại Việt Nam.  - Người xin nhập quốc tịch Việt Nam, nếu thuộc một trong những trường hợp: là vợ, chồng, cha đẻ, mẹ đẻ hoặc con đẻ của công dân Việt Nam; có công lao đặc biệt đóng góp cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam (phải là người được tặng thưởng Huân chương, Huy chương, danh hiệu cao quý khác của Nhà nước Việt Nam dân chủ cộng hòa, Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam, Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam hoặc được cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam xác nhận về công lao đặc biệt đó trên cơ sở hồ sơ, ý kiến của cơ quan, tổ chức có liên quan và quy định của pháp luật chuyên ngành); có lợi cho Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (phải là người có tài năng thực sự vượt trội trong lĩnh vực khoa học, kinh tế, văn hóa, xã hội, nghệ thuật, thể thao, y tế, giáo dục, đã dành được giải thưởng quốc tế, huân chương, huy chương hoặc được cơ quan, tổ chức nơi người đó làm việc chứng nhận và cơ quan quản lý nhà nước cấp bộ xác nhận về tài năng và có cơ sở cho thấy việc người được nhập quốc tịch Việt Nam sẽ đóng góp tích cực, lâu dài cho sự phát triển lĩnh vực nói trên của Việt Nam sau khi được nhập quốc tịch Việt Nam), có thể được nhập quốc tịch Việt Nam mà không phải có các điều kiện sau đây:  + Biết tiếng Việt đủ để hoà nhập vào cộng đồng Việt Nam;  + Đã thường trú ở Việt Nam từ 5 năm trở lên tính từ ngày được cấp Thẻ thường trú;  + Có khả năng bảo đảm cuộc sống tại Việt Nam.  - Người được nhập quốc tịch Việt Nam thì phải thôi quốc tịch nước ngoài, trừ những người:  \* Là vợ, chồng, cha đẻ, mẹ đẻ hoặc con đẻ của công dân Việt Nam;  \* Có công lao đặc biệt đóng góp cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam;  \* Có lợi cho Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.  Nếu đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau đây thì được coi là trường hợp đặc biệt quy định tại khoản 3 Điều 19 Luật Quốc tịch Việt Nam và được trình Chủ tịch nước xem xét việc cho nhập quốc tịch Việt Nam mà không phải thôi quốc tịch nước ngoài:  + Có đủ điều kiện nhập quốc tịch Việt Nam theo quy định của Luật Quốc tịch Việt Nam;  + Có công lao đặc biệt đóng góp cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc Việt Nam và việc nhập quốc tịch đồng thời giữ quốc tịch nước ngoài là có lợi cho Nhà nước Cộng hòa xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;  + Việc xin giữ quốc tịch nước ngoài của người đó khi nhập quốc tịch Việt Nam là phù hợp với pháp luật của nước ngoài đó;  + Việc thôi quốc tịch nước ngoài dẫn đến quyền lợi của người đó ở nước ngoài bị ảnh hưởng;  + Không sử dụng quốc tịch nước ngoài để gây phương hại đến quyền, lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức và cá nhân; xâm hại an ninh, lợi ích quốc gia, trật tự, an toàn xã hội của Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.  - Người xin nhập quốc tịch Việt Nam phải có tên gọi Việt Nam. Tên gọi này do người xin nhập quốc tịch Việt Nam lựa chọn và được ghi rõ trong Quyết định cho nhập quốc tịch Việt Nam.  - Người xin nhập quốc tịch Việt Nam không được nhập quốc tịch Việt Nam, nếu việc đó làm phương hại đến lợi ích quốc gia của Việt Nam. | | | | | | | |
| **2.2** | **Cách thức thực hiện TTHC:** | | | | | | | |
|  | Người xin nhập quốc tịch Việt Nam nộp hồ sơ trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Hà Tĩnh - Số 02A, đường Nguyễn Chí Thanh, thành phố Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh; không ủy quyền cho người khác nộp hồ sơ. | | | | | | | |
| **2.3** | **Thành phần hồ sơ, bao gồm:** | | | | | | **Bản chính** | **Bản sao** |
| **-** | *Đơn xin nhập quốc tịch Việt Nam (theo mẫu BM.QT.02.01) hoặc Đơn xin nhập quốc tịch Việt Nam dùng cho người đại diện theo pháp luật làm Đơn xin nhập quốc tịch Việt Nam cho người được đại diện (BM.QT.02.02).* | | | | | | x |  |
| **-** | Giấy khai sinh, Hộ chiếu hoặc giấy tờ khác có giá trị thay thế. Giấy tờ khác có giá trị thay thế Giấy khai sinh, Hộ chiếu đối với người không quốc tịch xin nhập quốc tịch Việt Nam là giấy tờ có thông tin về họ tên, ngày tháng năm sinh, có dán ảnh của người đó và đóng dấu của cơ quan có thẩm quyền hoặc giấy thông hành, giấy tờ có giá trị đi lại quốc tế; | | | | | |  | x |
| **-** | *Bản khai lý lịch (BM.QT.02.03).* | | | | | | x |  |
| **-** | Phiếu lý lịch tư pháp do cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam cấp đối với thời gian người xin nhập quốc tịch Việt Nam cư trú ở Việt Nam, Phiếu lý lịch tư pháp do cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài cấp đối với thời gian người xin nhập quốc tịch Việt Nam cư trú ở nước ngoài. Phiếu lý lịch tư pháp phải là phiếu được cấp không quá 90 ngày tính đến ngày nộp hồ sơ. | | | | | | x |  |
| **-** | Giấy tờ chứng minh trình độ Tiếng Việt (bản sao văn bằng, chứng chỉ để chứng minh người đó đã học bằng tiếng Việt tại Việt Nam như bản sao bằng tiến sĩ, bằng thạc sĩ, bằng cử nhân hoặc bằng tốt nghiệp đại học, bằng tốt nghiệp cao đẳng, trung cấp (bao gồm bằng tốt nghiệp trung học chuyên nghiệp hoặc trung cấp chuyên nghiệp); bằng tốt nghiệp trung học phổ thông hoặc trung học cơ sở của Việt Nam; bản sao chứng chỉ tiếng Việt theo khung năng lực tiếng Việt dùng cho người nước ngoài do cơ sở giáo dục của Việt Nam cấp theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.  Trong trường hợp người xin nhập quốc tịch Việt Nam không có giấy tờ chứng minh trình độ tiếng Việt thì Sở Tư pháp tổ chức kiểm tra, phỏng vấn về khả năng nghe, nói, đọc viết tiếng Việt của người đó bảo đảm đáp ứng quy định tại khoản 1 Điều 7 của Nghị định số 16/2020/NĐ-CP. Thành phần tham gia phỏng vấn có đại diện của Sở Tư pháp và Sở Giáo dục đào tạo. Kết quả kiểm tra, phỏng vấn phải được lập thành văn bản. Những người trực tiếp kiểm tra, phỏng vấn chịu trách nhiệm về kết quả kiểm tra, phỏng vấn và ý kiến đề xuất của mình. | | | | | |  | x |
| **-** | Giấy tờ chứng minh về chỗ ở, thời gian thường trú ở Việt Nam (Bản sao Thẻ thường trú). | | | | | |  | x |
| **-** | Giấy tờ chứng minh bảo đảm cuộc sống ở Việt Nam (gồm một trong các giấy tờ sau: Giấy tờ chứng minh quyền sở hữu tài sản; giấy tờ do cơ quan, tổ chức nơi người đó làm việc xác nhận về mức lương hoặc thu nhập; giấy tờ bảo lãnh của tổ chức, cá nhân tại Việt Nam; giấy xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã nơi thường trú về tình trạng nhà ở, công việc, thu nhập của người xin nhập quốc tịch Việt Nam). | | | | | | x |  |
| **-** | Bản sao Giấy khai sinh của người con chưa thành niên cùng nhập quốc tịch Việt Nam theo cha mẹ hoặc giấy tờ hợp lệ khác chứng minh quan hệ cha con, mẹ con.  Trường hợp chỉ người cha hoặc người mẹ nhập quốc tịch Việt Nam mà con chưa thành niên sinh sống cùng người đó nhập quốc tịch Việt Nam theo cha hoặc mẹ thì phải nộp văn bản thỏa thuận có đủ chữ ký của cha mẹ về việc xin nhập quốc tịch Việt Nam cho con. Văn bản thỏa thuận không phải chứng thực chữ ký; người đứng đơn xin nhập quốc tịch Việt Nam cho con phải chịu trách nhiệm về tính chính xác chữ ký của người kia.  Trường hợp cha, mẹ đã chết, bị mất năng lực hành vi dân sự hoặc hạn chế năng lực hành vi dân sự thì văn bản thỏa thuận được thay thế bằng giấy tờ chứng minh cha, mẹ đã chết, bị mất hoặc hạn chế năng lực hành vi dân sự. | | | | | |  | x |
| x |  |
|  | x |
| **-** | Người xin nhập quốc tịch Việt Nam đồng thời xin giữ quốc tịch nước ngoài phải có giấy tờ chứng minh: | | | | | | | |
| **+** | Đủ điều kiện nhập quốc tịch Việt Nam quy định của Luật Quốc tịch Việt Nam; | | | | | | x |  |
| **+** | Giấy tờ do cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam hoặc nước ngoài cấp để chứng minh: có công lao đặc biệt đóng góp cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam và việc nhập quốc tịch đồng thời giữ quốc tịch nước ngoài là có lợi cho Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam; | | | | | |  | x |
| **+** | Giấy tờ do cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam hoặc nước ngoài cấp để chứng minh: Việc xin giữ quốc tịch nước ngoài của người đó khi nhập quốc tịch Việt Nam là phù hợp với pháp luật của nước ngoài đó. Việc thôi quốc tịch nước ngoài dẫn đến quyền lợi của người đó ở nước có quốc tịch bị ảnh hưởng; | | | | | |  | x |
| **+** | Bản cam kết của người đó về nội dung: Không sử dụng quốc tịch nước ngoài để gây phương hại đến quyền, lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức và cá nhân; xâm hại an ninh, lợi ích quốc gia, trật tự, an toàn xã hội của Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. | | | | | | x |  |
|  | *Lưu ý:* Những người được miễn một số điều kiện nhập quốc tịch Việt Nam thì được miễn các giấy tờ tương ứng với điều kiện được miễn, nhưng phải nộp một số giấy tờ sau để chứng minh điều kiện được miễn, cụ thể là: | | | | | | | |
| **-** | Người có vợ hoặc chồng là công dân Việt Nam thì phải nộp bản sao Giấy chứng nhận kết hôn hoặc Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân; | | | | | |  | x |
| **-** | Nếu có cha, mẹ, con là công dân Việt Nam thì nộp bản sao Giấy khai sinh hoặc giấy tờ hợp lệ khác chứng minh quan hệ cha, mẹ, con; | | | | | |  | x |
| **-** | Người có công lao đặc biệt đóng góp cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam phải là người được tặng thưởng Huân chương, Huy chương, danh hiệu cao quý khác của Nhà nước Việt Nam dân chủ cộng hòa, Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam, Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam hoặc được cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam xác nhận về công lao đặc biệt đó trên cơ sở hồ sơ, ý kiến của cơ quan, tổ chức có liên quan và quy định của pháp luật chuyên ngành; | | | | | | x | x |
| **-** | Người mà việc nhập quốc tịch Việt Nam của họ có lợi cho Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam: (phải là người có tài năng thực sự vượt trội trong lĩnh vực khoa học, kinh tế, văn hóa, xã hội, nghệ thuật, thể thao, y tế, giáo dục, đã dành được giải thưởng quốc tế, huân chương, huy chương hoặc được cơ quan, tổ chức nơi người đó làm việc chứng nhận và cơ quan quản lý nhà nước cấp bộ xác nhận về tài năng và có cơ sở cho thấy việc người được nhập quốc tịch Việt Nam sẽ đóng góp tích cực, lâu dài cho sự phát triển lĩnh vực nói trên của Việt Nam sau khi được nhập quốc tịch Việt Nam). | | | | | | x |  |
|  | \* Lưu ý khi nộp hồ sơ:  - Giấy tờ có trong hồ sơ xin nhập quốc tịch Việt Nam do cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài cấp phải được hợp pháp hóa lãnh sự, trừ trường hợp được miễn hợp pháp hóa lãnh sự theo quy định của pháp luật Việt Nam hoặc điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên.   - Giấy tờ bằng tiếng nước ngoài có trong hồ sơ xin nhập quốc tịch Việt Nam phải được dịch sang tiếng Việt; bản dịch phải được công chứng hoặc chứng thực chữ ký người dịch theo quy định của pháp luật Việt Nam.  - Trường hợp yêu cầu bản sao thì người yêu cầu giải quyết các việc về quốc tịch có thể nộp giấy tờ là bản chụp từ bản chính, bản sao được chứng thực từ bản chính hoặc bản sao được cấp từ sổ gốc. Nếu nộp bản chụp từ bản chính thì phải có bản chính để đối chiếu; người tiếp nhận hồ sơ kiểm tra, đối chiếu bản sao với bản chính và ký xác nhận đã đối chiếu. | | | | | | | |
| **2.4** | **Số lượng hồ sơ:** 03 bộ. | | | | | | | |
| **2.5** | **Thời hạn giải quyết:**  - 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Tư pháp gửi văn bản đề nghị Công an tỉnh xác minh về nhân thân của người xin nhập quốc tịch Việt Nam.  - 15 ngày, kể từ ngày nhận được đề nghị của Sở Tư pháp, Công an tỉnh có trách nhiệm xác minh và gửi kết quả đến Sở Tư pháp.  - 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được kết quả xác minh, Sở Tư pháp hoàn tất hồ sơ trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.  - 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đề nghị của Sở Tư pháp, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh có trách nhiệm xem xét, kết luận và đề xuất ý kiến gửi Bộ Tư pháp.  - 20 ngày, kể từ ngày nhận được đề xuất của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, Bộ Tư pháp có trách nhiệm kiểm tra lại hồ sơ, nếu xét thấy có đủ điều kiện nhập quốc tịch Việt Nam thì gửi thông báo bằng văn bản cho người xin nhập quốc tịch Việt Nam để làm thủ tục xin thôi quốc tịch nước ngoài, trừ trường hợp người xin nhập quốc tịch Việt Nam xin giữ quốc tịch nước ngoài (người này phải đáp ứng đủ điều kiện để được coi là trường hợp đặc biệt) hoặc là người không quốc tịch. Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được giấy cho thôi quốc tịch nước ngoài của người xin nhập quốc tịch Việt Nam, Bộ trưởng Bộ Tư pháp báo cáo Thủ tướng Chính phủ trình Chủ tịch nước xem xét, quyết định.  + Nếu xét thấy hồ sơ xin nhập quốc tịch Việt Nam chưa đầy đủ, người xin nhập quốc tịch chưa đáp ứng đủ điều kiện nhập quốc tịch Việt Nam, Bộ Tư pháp có văn bản thông báo cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, đồng gửi cho Sở Tư pháp để hướng dẫn người xin nhập quốc tịch bổ sung hồ sơ và hoàn thiện đủ điều kiện. Trong thời hạn 5 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được thông báo của Bộ Tư pháp, Sở Tư pháp có văn bản hướng dẫn người xin nhập quốc tịch bổ sung hồ sơ và hoàn thiện đủ điều kiện.  Đối với trường hợp xin nhập quốc tịch Việt Nam đồng thời xin giữ quốc tịch nước ngoài mà không có đủ giấy tờ chứng minh thuộc trường hợp đặc biệt theo quy định, Bộ Tư pháp có văn bản thông báo cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh để yêu cầu người đó tiến hành thôi quốc tịch nước ngoài.  Trong thời hạn 9 tháng, kể từ ngày Bộ Tư pháp có văn bản thông báo mà người xin nhập quốc tịch Việt Nam không bổ sung được hồ sơ, không hoàn thiện đủ điều kiện hoặc không nộp văn bản của cơ quan có thẩm quyền nước ngoài cho thôi quốc tịch nước ngoài, thì được coi là người đó không tiếp tục xin nhập quốc tịch Việt Nam và Bộ Tư pháp trả lại hồ sơ. Thời hạn 9 tháng không tính vào thời hạn giải quyết hồ sơ theo quy định tại khoản 3 Điều 21 Luật Quốc tịch Việt Nam.  + Trường hợp người xin nhập quốc tịch Việt Nam xin giữ quốc tịch nước ngoài, người xin nhập quốc tịch Việt Nam là người không quốc tịch thì trong thời hạn 20 ngày, kể từ ngày nhận được đề xuất của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, Bộ Tư pháp có trách nhiệm kiểm tra lại hồ sơ, nếu xét thấy người xin nhập quốc tịch Việt Nam có đủ điều kiện được nhập quốc tịch Việt Nam thì báo cáo Thủ tướng Chính phủ trình Chủ tịch nước xem xét, quyết định.  - 30 ngày, kể từ ngày nhận được đề nghị của Thủ tướng Chính phủ, Chủ tịch nước xem xét, quyết định. | | | | | | | |
| **2.6** | **Địa điểm tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC:**  Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh Hà Tĩnh - Số 02A, đường Nguyễn Chí Thanh, thành phố Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh. | | | | | | | |
| **2.7** | **Cơ quan thực hiện:** Sở Tư pháp.  **Cơ quan có thẩm quyền quyết định:** Chủ tịch nước  **Cơ quan được ủy quyền:** Không.  **Cơ quan phối hợp:** Công an tỉnh | | | | | | | |
| **2.8** | **Đối tượng thực hiện TTHC:** Cá nhân | | | | | | | |
| **2.9** | **Kết quả giải quyết TTHC:**  -Hồ sơ đủ điều kiện: Quyết định cho nhập quốc tịch Việt Nam.  - Hồ sơ không đủ điều kiện: Văn bản thông báo không đủ điều kiện nhập quốc tịch Việt Nam. | | | | | | | |
| **2.10** | **Quy trình xử lý công việc** | | | | | | | |
| **TT** | **Trình tự** | | **Trách nhiệm** | **Thời gian** | | **Biểu mẫu/Kết quả** | | |
| B1 | 1. Tiếp nhận hồ sơ:  Tiếp nhận hồ sơ trực tiếp từ cá nhân.  2. Công chức TN&TKQ kiểm tra hồ sơ:  - Nếu hồ sơ đầy đủ, hợp lệ thì làm thủ tục tiếp nhận hồ sơ, hẹn trả kết quả cho tổ chức, cá nhân và thu phí theo quy định (nếu có).  - Nếu hồ sơ chưa đầy đủ hoặc không hợp lệ thì hướng dẫn bổ sung, hoàn thiện hồ sơ. Nếu không bổ sung, hoàn thiện được thì từ chối tiếp nhận hồ sơ | | Công chức TN&TKQ | Giờ hành chính | | Mẫu 01, 02 (nếu có), 06 và Hồ sơ theo mục 2.3 | | |
| B2 | Chuyển hồ sơ cho Phòng Hành chính và bổ trợ tư pháp (HC&BTTP) | | Công chức TN&TKQ | 02 giờ | | Mẫu 01, 05 và Hồ sơ kèm theo | | |
| B3 | Duyệt hồ sơ, chuyển cho chuyên viên xử lý | | Lãnh đạo phòng HC&BTTP | 02 giờ | | Mẫu 05 và Hồ sơ kèm theo | | |
| B4 | Chuyên viên được phân công có trách nhiệm kiểm tra và thụ lý hồ sơ; Xây dựng dự thảo văn bản đề nghị Công an tỉnh xác minh việc nhập quốc tịch, trình lãnh đạo Phòng xem xét, ký nháy | | Chuyên viên Phòng HC&BTTP | 04 giờ | | Mẫu 05 và Dự thảo văn bản đề nghị xác minh gửi Công an tỉnh | | |
| B5 | Kiểm tra hồ sơ, ký nháy duyệt dự thảo văn bản tại B4, trực tiếp hoặc giao chuyên viên trình lãnh đạo Sở | | Lãnh đạo Phòng HC&BTTP | 04 giờ | | Mẫu 05 và Dự thảo văn bản đề nghị xác minh gửi Công an tỉnh đã ký nháy | | |
| B6 | Ký duyệt dự thảo văn bản tại B5, chuyển Phòng HC&BTTP để phát hành | | Lãnh đạo Sở Tư pháp | 02 giờ | | Mẫu 05 và Văn bản đề nghị xác minh gửi Công an tỉnh | | |
| B7 | Phát hành văn bản | | Văn thư | 02 giờ | | Mẫu 05 và Văn bản đề nghị xác minh gửi Công an tỉnh | | |
| B8 | Trả lời xác minh theo đề nghị của Sở Tư pháp | | Công an tỉnh | 15 ngày | | Mẫu 05 và Văn bản trả lời xác minh | | |
| B9 | Nhận kết quả từ Công an tỉnh, hoàn thiện hồ sơ:  + Nếu đủ điều kiện nhập quốc tịch Việt Nam: Dự thảo văn bản trình UBND tỉnh, tiếp tục thực hiện như B5, B6, B7; gửi bản điện tử và nộp hồ sơ trình UBND tỉnh tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh;  + Nếu không đủ điều kiện: Dự thảo văn bản gửi người yêu cầu thông báo không đủ điều kiện nhập quốc tịch, tiếp tục thực hiện như B5, B6, B7 và chuyển đến B14 | | Chuyên viên Phòng HC&BTTP | 04 ngày | | Mẫu 05, 06 và Văn bản trình UBND tỉnh kèm hồ sơ hoặc văn bản thông báo cho người yêu cầu không đủ điều kiện nhập quốc tịch | | |
| B10 | Xem xét, kết luận và đề xuất ý kiến gửi Bộ Tư pháp | | UBND tỉnh | 05 ngày | | Văn bản gửi Bộ Tư pháp kèm hồ sơ | | |
| B11 | Bộ Tư pháp kiểm tra lại hồ sơ, xem xét, kết luận:  - Nếu đủ điều kiện: Bộ trưởng Bộ tư pháp thừa ủy quyền Thủ tướng Chính phủ ký tờ trình đề nghị Chủ tịch nước xem xét, quyết định  - Nếu hồ sơ chưa đầy đủ: Ban hành văn bản thông báo cho UBND tỉnh, Sở Tư pháp để hướng dẫn bổ sung hồ sơ và hoàn thiện đủ điều kiện.Trong vòng 9 tháng kể từ khi ra thông báo,nếu người xin nhập quốc tịch không bổ sung hồ sơ và điều kiện thì được coi là người đó không tiếp tục xin nhập quốc tịch Việt Nam và Bộ tư pháp trả hồ sơ  - Nếu không đủ điều kiện: Văn bản thông báo không đủ điều kiện nhập quốc tịch | | Bộ Tư pháp | 20 - 30 ngày | | Tờ trình gửi Chủ tịch nước kèm hồ sơ hoặc Văn bản thông báo hướng dẫn, bổ sung hồ sơ/ Văn bản trả hồ sơ/ Văn bản thông báo không đủ điều kiện nhập quốc tịch | | |
| B12 | Xem xét hồ sơ xin nhập quốc tịch Việt Nam | | Chủ tịch nước | 30 ngày | | Quyết định cho nhập quốc tịch Việt Nam hoặc văn bản thông báo cho người yêu cầu không đủ điều kiện nhập quốc tịch | | |
| B13 | - Nếu đủ điều kiện: Nhận Quyết định cho nhập quốc tịch Việt Nam, chuyển Bộ phận TN&TKQ tại Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh  - Nếu không đủ điều kiện: Nhận văn bản thông báo không đủ điều kiện nhập quốc tịch từ Bộ Tư pháp và xây dựng văn bản gửi người yêu cầu, chuyển Bộ phận TN&TKQ tại Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh | | Văn thư; Phòng HC&BTTP | 02 giờ | | Quyết định cho nhập quốc tịch Việt Nam hoặc văn bản thông báo cho người yêu cầu không đủ điều kiện nhập quốc tịch | | |
| B14 | Trả kết quả cho tổ chức cá nhân | | Công chức TN&TKQ | Giờ hành chính | | Mẫu 01, 06 kèm Quyết định cho nhập quốc tịch Việt Nam hoặc văn bản thông báo cho người yêu cầu không đủ điều kiện nhập quốc tịch | | |
|  | \* Trường hợp hồ sơ quá hạn xử lý, trong thời gian chậm nhất 01 ngày trước ngày hết hạn xử lý, Sở Tư pháp ban hành phiếu xin lỗi và hẹn lại ngày trả kết quả chuyển sang Bộ phận TN&TKQ để gửi cho tổ chức, cá nhân.  \* Trong quá trình giải quyết hồ sơ người có trách nhiệm thực hiện cần thực hiện đồng thời các thao tác tiếp nhận/chuyển/trả hồ sơ, kết quả giải quyết trên Cổng Dịch vụ công Quốc gia tại địa chỉ <https://dichvucong.gov.vn> hoặc Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh Hà Tĩnh tại địa chỉ <https://dichvucong.hatinh.gov.vn> với các bước trong quy trình. | | | | | | | |
| **3** | **BIỂU MẪU** | | | | | | | |
|  | Mẫu 01 | Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả | | | | | | |
|  | Mẫu 02 | Phiếu yêu cầu bổ sung hoàn thiện hồ sơ | | | | | | |
|  | Mẫu 03 | Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ | | | | | | |
|  | Mẫu 04 | Phiếu xin lỗi và hẹn lại ngày trả kết quả | | | | | | |
|  | Mẫu 05 | Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ | | | | | | |
|  | Mẫu 06 | Sổ theo dõi hồ sơ | | | | | | |
|  | *BM.QT.02.01* | *Đơn xin nhập quốc tịch Việt Nam* | | | | | | |
| *BM.QT.02.02* | *Đơn xin nhập quốc tịch Việt Nam dùng cho người đại diện theo pháp luật làm Đơn xin nhập quốc tịch Việt Nam cho người được đại diện* | | | | | | |
|  | *BM.QT.02.03* | *Tờ khai lý lịch* | | | | | | |
| **4** | **HỒ SƠ LƯU** | | | | | | | |
| **-** | Mẫu 01; 02, 03, 04 (nếu có); 06 lưu tại Bộ phận TN&TKQ của Sở Tư pháp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh. Mẫu 01, 05 lưu theo hồ sơ; | | | | | | | |
| **-** | Hồ sơ đầu vào theo mục 2.3; | | | | | | | |
| **-** | Văn bản đề nghị Công an tỉnh xác minh việc nhập quốc tịch; | | | | | | | |
| **-** | Văn bản trả lời xác minh của Công an tỉnh; | | | | | | | |
| **-** | Văn bản trình UBND tỉnh về việc đề nghị cho nhập quốc tịch Việt Nam; | | | | | | | |
| **-** | Quyết định cho nhập quốc tịch Việt Nam hoặc Văn bản thông báo cho người yêu cầu không đủ điều kiện nhập quốc tịch. | | | | | | | |
| - | Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh Hà Tĩnh. | | | | | | | |
| Hồ sơ được lưu tại Phòng HC&BTTP, thời gian lưu 03 năm. Sau khi hết hạn, chuyển hồ sơ xuống bộ phận lưu trữ của cơ quan và lưu trữ theo quy định hiện hành. | | | | | | | | |

**3. Trở lại quốc tịch Việt Nam ở trong nước**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **1** | **KÝ HIỆU QUY TRÌNH** | | | | **QT.QT.03** | | | |
| **2** | **NỘI DUNG QUY TRÌNH** | | | | | | | |
| **2.1** | **Điều kiện thực hiện TTHC:** | | | | | | | |
|  | - Người đã mất quốc tịch Việt Nam theo quy định tại Điều 26 của Luật Quốc tịch Việt Nam năm 2008 có đơn xin trở lại quốc tịch Việt Nam thì có thể được trở lại quốc tịch Việt Nam, nếu thuộc một trong những trường hợp sau đây:  + Xin hồi hương về Việt Nam;  + Có vợ, chồng, cha đẻ, mẹ đẻ hoặc con đẻ là công dân Việt Nam;  + Có công lao đặc biệt đóng góp cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam (phải là người được tặng thưởng Huân chương, Huy chương, danh hiệu cao quý khác của Nhà nước Việt Nam dân chủ cộng hòa, Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam, Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam hoặc được cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam xác nhận về công lao đặc biệt đó trên cơ sở hồ sơ, ý kiến của cơ quan, tổ chức có liên quan và quy định của pháp luật chuyên ngành);  + Có lợi cho Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (phải là người có tài năng thực sự vượt trội trong lĩnh vực khoa học, kinh tế, văn hóa, xã hội, nghệ thuật, thể thao, y tế, giáo dục, đã dành được giải thưởng quốc tế, huân chương, huy chương hoặc được cơ quan, tổ chức nơi người đó làm việc chứng nhận và cơ quan quản lý nhà nước cấp bộ xác nhận về tài năng và có cơ sở cho thấy việc người được trở lại quốc tịch Việt Nam sẽ đóng góp tích cực, lâu dài cho sự phát triển lĩnh vực nói trên của Việt Nam sau khi được trở lại quốc tịch Việt Nam);  + Thực hiện đầu tư tại Việt Nam (phải có dự án đầu tư đã được cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam cấp giấy tờ chứng nhận việc đầu tư đó);  + Đã thôi quốc tịch Việt Nam để nhập quốc tịch nước ngoài, nhưng không được nhập quốc tịch nước ngoài (phải có giấy tờ do cơ quan có thẩm quyền nước ngoài cấp xác nhận rõ về lý do không được nhập quốc tịch nước ngoài. Trong trường hợp không được nhập quốc tịch nước ngoài là do lỗi chủ quan của người đó thì phải có văn bản bảo lãnh của một trong những người là cha, mẹ, vợ, chồng, con hoặc anh, chị, em ruột là công dân Việt Nam đang thường trú tại Việt Nam, kèm theo đơn của người đó tự nguyện về cư trú tại Việt Nam).  - Người xin trở lại quốc tịch Việt Nam không được trở lại quốc tịch Việt Nam, nếu việc đó làm phương hại đến lợi ích quốc gia của Việt Nam.  - Trường hợp người bị tước quốc tịch Việt Nam xin trở lại quốc tịch Việt Nam thì phải sau ít nhất 5 năm, kể từ ngày bị tước quốc tịch mới được xem xét cho trở lại quốc tịch Việt Nam.  - Người xin trở lại quốc tịch Việt Nam phải lấy lại tên gọi Việt Nam trước đây.  - Người được trở lại quốc tịch Việt Nam thì phải thôi quốc tịch nước ngoài, trừ những người:  + Là vợ, chồng, cha đẻ, mẹ đẻ hoặc con đẻ của công dân Việt Nam;  + Có công lao đặc biệt đóng góp cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam;  + Có lợi cho Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.  Nếu đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau đây thì được coi là trường hợp đặc biệt để trình Chủ tịch nước xem xét việc cho trở lại quốc tịch Việt Nam mà không phải thôi quốc tịch nước ngoài:  + Có đủ điều kiện trở lại quốc tịch Việt Nam theo quy định của Luật Quốc tịch Việt Nam;  + Việc xin giữ quốc tịch nước ngoài của người đó khi trở lại quốc tịch Việt Nam là phù hợp với pháp luật của nước ngoài đó;  + Việc thôi quốc tịch nước ngoài dẫn đến quyền lợi của người đó ở nước có quốc tịch bị ảnh hưởng;  + Không sử dụng quốc tịch nước ngoài để gây phương hại đến quyền, lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức và cá nhân; xâm hại an ninh, lợi ích quốc gia, trật tự, an toàn xã hội của Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. | | | | | | | |
| **2.2** | **Cách thức thực hiện TTHC:** | | | | | | | |
|  | Thực hiện trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích đến Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh Hà Tĩnh - Số 02A, đường Nguyễn Chí Thanh, thành phố Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh; không ủy quyền cho người khác nộp hồ sơ. | | | | | | | |
| **2.3** | **Thành phần hồ sơ, bao gồm:** | | | | | | **Bản chính** | **Bản sao** |
| **-** | *Đơn xin trở lại quốc tịch Việt Nam, theo mẫu BM.QT.03.01 hoặc Đơn xin trở lại quốc tịch Việt Nam dùng cho người đại diện theo pháp luật làm Đơn xin trở lại quốc tịch Việt Nam cho người được đại diện theo mẫu BM.QT.03.02;* | | | | | | x |  |
| **-** | Bản sao Giấy khai sinh, Hộ chiếu hoặc giấy tờ khác có giá trị thay thế; | | | | | |  | x |
| **-** | *Bản khai lý lịch, theo mẫu BM.QT.03.03;* | | | | | | x |  |
| **-** | Phiếu lý lịch tư pháp do cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam cấp đối với thời gian người xin trở lại quốc tịch Việt Nam cư trú ở Việt Nam, Phiếu lý lịch tư pháp do cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài cấp đối với thời gian người xin trở lại quốc tịch Việt Nam cư trú ở nước ngoài. Phiếu lý lịch tư pháp phải là phiếu được cấp không quá 90 ngày tính đến ngày nộp hồ sơ; | | | | | | x |  |
| **-** | Giấy tờ chứng minh người xin trở lại quốc tịch Việt Nam đã từng có quốc tịch Việt Nam (là một trong các giấy tờ sau: Giấy tờ chứng minh đã được Chủ tịch nước cho thôi quốc tịch hoặc bị tước quốc tịch Việt Nam; Giấy tờ do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam cấp, xác nhận, trong đó có ghi quốc tịch Việt Nam hoặc giấy tờ có giá trị chứng minh quốc tịch Việt Nam trước đây của người đó); | | | | | |  | x |
| **-** | Giấy tờ chứng minh đủ điều kiện trở lại quốc tịch Việt Nam là một trong các giấy tờ sau đây:  + Giấy tờ chứng minh người xin trở lại quốc tịch Việt Nam có vợ, chồng, cha đẻ, mẹ đẻ hoặc con đẻ là công dân Việt Nam: Trường hợp có vợ, chồng là công dân Việt Nam thì nộp bản sao Giấy chứng nhận kết hôn hoặc Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân; nếu có cha, mẹ, con là công dân Việt Nam thì nộp bản sao Giấy khai sinh hoặc giấy tờ hợp lệ khác chứng minh quan hệ cha, mẹ, con;  + Giấy tờ chứng minh người xin trở lại quốc tịch Việt Nam có công lao đặc biệt đóng góp cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam hoặc việc trở lại quốc tịch Việt Nam là có lợi cho Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thì nộp giấy tờ tương ứng: Người có công lao đặc biệt đóng góp lớn cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam phải là người được tặng thưởng Huân chương, Huy chương, danh hiệu cao quý khác của Nhà nước Việt Nam dân chủ cộng hòa, Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam, Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam hoặc được cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam xác nhận về công lao đặc biệt đó trên cơ sở hồ sơ, ý kiến của cơ quan, tổ chức có liên quan và quy định của pháp luật chuyên ngành; Người mà việc trở lại quốc tịch Việt Nam của họ có lợi cho Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam phải là người có tài năng thực sự vượt trội trong lĩnh vực khoa học, kinh tế, văn hóa, xã hội, nghệ thuật, thể thao, y tế, giáo dục, đã dành được giải thưởng quốc tế, huân chương, huy chương hoặc được cơ quan, tổ chức nơi người đó làm việc chứng nhận và cơ quan quản lý nhà nước cấp bộ xác nhận về tài năng và có cơ sở cho thấy việc người được trở lại quốc tịch Việt Nam sẽ đóng góp tích cực, lâu dài cho sự phát triển lĩnh vực nói trên của Việt Nam sau khi được trở lại quốc tịch Việt Nam;  + Giấy tờ chứng minh việc thực hiện đầu tư tại Việt Nam: phải có dự án đầu tư đã được cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam cấp giấy tờ chứng nhận việc đầu tư đó. | | | | | | x | x |
| **-** | Trường hợp người xin trở lại quốc tịch Việt Nam vì lý do đã thôi quốc tịch Việt Nam để nhập quốc tịch nước ngoài, nhưng không được nhập quốc tịch nước ngoài thì phải có giấy tờ do cơ quan có thẩm quyền nước ngoài cấp xác nhận rõ về lý do không được nhập quốc tịch nước ngoài. Trong trường hợp không được nhập quốc tịch nước ngoài là do lỗi chủ quan của người đó thì phải có văn bản bảo lãnh của một trong những người là cha, mẹ, vợ, chồng, con hoặc anh, chị, em ruột là công dân Việt Nam đang thường trú tại Việt Nam, kèm theo đơn của người đó tự nguyện về cư trú tại Việt Nam. | | | | | | x |  |
| **-** | Con chưa thành niên cùng trở lại quốc tịch Việt Nam theo cha mẹ thì phải nộp bản sao Giấy khai sinh của người con hoặc giấy tờ hợp lệ khác chứng minh quan hệ cha con, mẹ con. Trường hợp chỉ người cha hoặc người mẹ trở lại quốc tịch Việt Nam mà con chưa thành niên sống cùng người đó trở lại quốc tịch Việt Nam theo cha hoặc mẹ thì phải nộp văn bản thỏa thuận của cha mẹ về việc xin trở lại quốc tịch Việt Nam cho con. Văn bản thỏa thuận phải có đầy đủ chữ ký của cha và mẹ, chữ ký không phải chứng thực nhưng người đứng đơn xin trở lại quốc tịch Việt Nam cho con phải chịu trách nhiệm về tính chính xác chữ .ký của người kia.  Trường hợp cha, mẹ đã chết, bị mất năng lực hành vi dân sự hoặc hạn chế năng lực hành vi dân sự thì văn bản thỏa thuận được thay thế bằng giấy tờ chứng minh cha, mẹ đã chết, bị mất hoặc hạn chế năng lực hành vi dân sự. | | | | | |  | x |
|  | \* Lưu ý khi nộp hồ sơ:  + Nếu nộp hồ sơ trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, trường hợp yêu cầu bản sao thì kèm theo bản chính để đối chiếu.  + Nếu nộp hồ sơ qua đường bưu điện thì nộp bản sao có chứng thực của cơ quan có thẩm quyền; Đơn, Tờ khai, Bản khai lý lịch phải được chứng thực chữ ký theo quy định của pháp luật. | | | | | | | |
| **2.4** | **Số lượng hồ sơ:** 03 bộ. | | | | | | | |
| **2.5** | **Thời hạn giải quyết:**  - 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Tư pháp gửi văn bản đề nghị cơ quan Công an cấp tỉnh xác minh về nhân thân của người xin trở lại quốc tịch Việt Nam.  - 10 ngày làm việc từ ngày nhận được đề nghị của Sở Tư pháp, cơ quan Công an cấp tỉnh có trách nhiệm xác minh và gửi kết quả đến Sở Tư pháp.  - 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được kết quả xác minh, Sở Tư pháp có trách nhiệm hoàn tất hồ sơ trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.  - 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đề nghị của Sở Tư pháp, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm xem xét, kết luận và đề xuất ý kiến gửi Bộ Tư pháp.  - 20 ngày, kể từ ngày nhận được văn bản đề xuất của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, Bộ Tư pháp có trách nhiệm kiểm tra lại hồ sơ. Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được giấy xác nhận thôi quốc tịch nước ngoài của người xin trở lại quốc tịch Việt Nam, Bộ trưởng Bộ Tư pháp báo cáo Thủ tướng Chính phủ trình Chủ tịch nước xem xét, quyết định.  Trường hợp người xin trở lại quốc tịch Việt Nam xin giữ quốc tịch nước ngoài, người xin trở lại quốc tịch Việt Nam là người không quốc tịch thì trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được văn bản đề xuất của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, Bộ Tư pháp có trách nhiệm kiểm tra lại hồ sơ, báo cáo Thủ tướng Chính phủ trình Chủ tịch nước xem xét, quyết định.  - 20 ngày, kể từ ngày nhận được đề nghị của Thủ tướng Chính phủ, Chủ tịch nước xem xét, quyết định. | | | | | | | |
| **2.6** | **Địa điểm tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC:**  Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh Hà Tĩnh - Số 02A, đường Nguyễn Chí Thanh, thành phố Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh. | | | | | | | |
| **2.7** | **Cơ quan thực hiện:** Sở Tư pháp.  **Cơ quan có thẩm quyền quyết định:** Chủ tịch nước.  **Cơ quan được ủy quyền:** Không.  **Cơ quan phối hợp:** Công an tỉnh. | | | | | | | |
| **2.8** | **Đối tượng thực hiện TTHC:** Cá nhân | | | | | | | |
| **2.9** | **Kết quả giải quyết TTHC:**  -Nếu đủ điều kiện: Quyết định cho trở lại quốc tịch Việt Nam.  - Nếu không đủ điều kiện: Văn bản thông báo không đủ điều kiện trở lại quốc tịch Việt Nam. | | | | | | | |
| **2.10** | **Quy trình xử lý công việc** | | | | | | | |
| **TT** | **Trình tự** | | **Trách nhiệm** | **Thời gian** | | **Biểu mẫu/Kết quả** | | |
| B1 | 1. Tiếp nhận hồ sơ:  Tiếp nhận hồ sơ trực tiếp từ cá nhân hoặc từ hệ thống bưu chính.  2. Công chức TN&TKQ kiểm tra hồ sơ:  - Nếu hồ sơ đầy đủ, hợp lệ thì làm thủ tục tiếp nhận hồ sơ, hẹn trả kết quả cho tổ chức, cá nhân và thu phí theo quy định (nếu có).  - Nếu hồ sơ chưa đầy đủ hoặc không hợp lệ thì hướng dẫn bổ sung, hoàn thiện hồ sơ. Nếu không bổ sung, hoàn thiện được thì từ chối tiếp nhận hồ sơ. | | Công chức TN&TKQ | Giờ hành chính | | Mẫu 01, 02 (nếu có), 06 và Hồ sơ theo mục 2.3 | | |
| B2 | Chuyển hồ sơ cho Phòng Hành chính và bổ trợ tư pháp (HC&BTTP) xử lý. | | Công chức TN&TKQ | 02 giờ | | Mẫu 05 và Hồ sơ kèm theo | | |
| B3 | Duyệt hồ sơ, chuyển cho chuyên viên xử lý. | | Lãnh đạo phòng HC&BTTP | 02 giờ | | Mẫu 05 và Hồ sơ kèm theo | | |
| B4 | Chuyên viên được phân công có trách nhiệm kiểm tra và thụ lý hồ sơ; Xây dựng văn bản đề nghị Công an tỉnh xác minh việc trở lại quốc tịch, trình Lãnh đạo Phòng xem xét, ký duyệt. | | Chuyên viên Phòng HC&BTTP | 04 giờ | | Mẫu 05 và Dự thảo văn bản đề nghị xác minh gửi Công an tỉnh | | |
| B5 | Kiểm tra hồ sơ, ký nháy duyệt dự thảo văn bản tại B4, trực tiếp hoặc giao chuyên viên trình lãnh đạo Sở. | | Lãnh đạo Phòng HC&BTTP | 04 giờ | | Mẫu 05 và Dự thảo văn bản đề nghị xác minh gửi Công an tỉnh đã ký nháy | | |
| B6 | Ký duyệt dự thảo văn bản tại B5, chuyển phòng HC&BTTP để phát hành. | | Lãnh đạo Sở Tư pháp | 02 giờ | | Mẫu 05 và Văn bản đề nghị xác minh gửi Công an tỉnh | | |
| B7 | Phát hành văn bản. | | Văn thư | 02 giờ | | Mẫu 05 và Văn bản đề nghị xác minh gửi Công an tỉnh | | |
| B8 | Trả lời xác minh theo đề nghị của Sở Tư pháp. | | Công an tỉnh | 10 ngày | | Văn bản trả lời xác minh | | |
| B9 | Nhận kết quả từ Công an tỉnh, hoàn thiện hồ sơ:  + Nếu đủ điều kiện: Dự thảo văn bản trình UBND tỉnh, tiếp tục thực hiện theo B5, B6, B7; gửi bản điện tử và nộp hồ sơ trình UBND tỉnh tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh;  + Nếu không đủ điều kiện: Dự thảo văn bản thông báo không đủ điều kiện trở lại quốc tịch Việt Nam, tiếp tục thực hiện theo B5, B6, B7 và chuyển đến B14. | | Chuyên viên Phòng HC&BTTP | 01 ngày | | Mẫu 05, 06 và Văn bản trình UBND tỉnh kèm hồ sơ hoặc văn bản thông báo không đủ điều kiện trở lại quốc tịch Việt Nam. | | |
| B10 | Xem xét, kết luận và đề xuất ý kiến gửi Bộ Tư pháp. | | UBND tỉnh | 02 ngày | | Văn bản gửi Bộ Tư pháp kèm hồ sơ | | |
| B11 | Bộ Tư pháp kiểm tra lại hồ sơ, xem xét, kết luận:  - Nếu đủ điều kiện: Báo cáo Thủ tướng Chính phủ trình Chủ tịch nước.  - Nếu không đủ điều kiện: Văn bản thông báo không đủ điều kiện trở lại quốc tịch. | | Bộ Tư pháp | 15- 30 ngày | | Văn bản báo cáo Thủ tướng Chính phủ trình Chủ tịch nước kèm hồ sơ hoặc Văn bản thông báo không đủ điều kiện trở lại quốc tịch. | | |
| B12 | Xem xét hồ sơ đề nghị cho trở lại quốc tịch Việt Nam. | | Chủ tịch nước | 20 ngày | | Quyết định cho trở lại quốc tịch Việt Nam hoặc văn bản thông báo cho người yêu cầu không đủ điều kiện trở lại quốc tịch. | | |
| B13 | - Nếu đủ điều kiện: Nhận Quyết định cho trở lại quốc tịch Việt Nam Việt Nam, chuyển Bộ phận TN&TKQ tại Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh.  - Nếu không đủ điều kiện: Nhận văn bản thông báo không đủ điều kiện trở lại quốc tịch từ Bộ Tư pháp và xây dựng văn bản gửi người yêu cầu thông báo không đủ điều kiện trở lại quốc tịch, chuyển Bộ phận TN&TKQ tại Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh. | | Văn thư; Phòng HC&BTTP | 04 giờ | | Quyết định cho trở lại quốc tịch Việt Nam hoặc văn bản thông báo cho người yêu cầu không đủ điều kiện trở lại quốc tịch. | | |
| B14 | Trả kết quả cho cá nhân. | | Công chức TN&TKQ | Giờ hành chính | | Mẫu 01, 06 kèm Quyết định cho trở lại quốc tịch Việt Nam hoặc văn bản thông báo cho người yêu cầu không đủ điều kiện trở lại quốc tịch. | | |
|  | \* Trường hợp hồ sơ quá hạn xử lý, trong thời gian chậm nhất 01 ngày trước ngày hết hạn xử lý, Sở Tư pháp ban hành phiếu xin lỗi và hẹn lại ngày trả kết quả chuyển sang Bộ phận TN&TKQ để gửi cho tổ chức, cá nhân.  \* Trong quá trình giải quyết hồ sơ người có trách nhiệm thực hiện cần thực hiện đồng thời các thao tác tiếp nhận/chuyển/trả hồ sơ, kết quả giải quyết trên Cổng Dịch vụ công Quốc gia tại địa chỉ <https://dichvucong.gov.vn> hoặc Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh Hà Tĩnh tại địa chỉ <https://dichvucong.hatinh.gov.vn> với các bước trong quy trình. | | | | | | | |
| **3** | **BIỂU MẪU** | | | | | | | |
|  | Mẫu 01 | Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả | | | | | | |
|  | Mẫu 02 | Phiếu yêu cầu bổ sung hoàn thiện hồ sơ | | | | | | |
|  | Mẫu 03 | Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ | | | | | | |
|  | Mẫu 04 | Phiếu xin lỗi và hẹn lại ngày trả kết quả | | | | | | |
|  | Mẫu 05 | Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ | | | | | | |
|  | Mẫu 06 | Sổ theo dõi hồ sơ | | | | | | |
|  | *BM.QT.03.01* | *Đơn xin trở lại quốc tịch Việt Nam* | | | | | | |
|  | *BM.QT.03.02* | *Đơn xin nhập quốc tịch Việt Nam dùng cho người đại diện theo pháp luật làm Đơn xin nhập quốc tịch Việt Nam cho người được đại diện* | | | | | | |
|  | *BM.QT.03.03* | *Tờ khai lý lịch* | | | | | | |
| **4** | **HỒ SƠ LƯU** | | | | | | | |
| **-** | Mẫu 01, 02, 03, 04 (nếu có) và 06 lưu tại Bộ phận TN&TKQ của Sở Tư pháp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh. Mẫu 01, 05 lưu theo hồ sơ; | | | | | | | |
| **-** | Hồ sơ đầu vào theo mục 2.3; | | | | | | | |
| **-** | Văn bản đề nghị Công an tỉnh xác minh việc trở lại quốc tịch; | | | | | | | |
| **-** | Văn bản trả lời của Công an tỉnh xác minh việc trở lại quốc tịch; | | | | | | | |
| **-** | Văn bản trình UBND tỉnh về việc đề nghị cho trở lại quốc tịch Việt Nam; | | | | | | | |
| **-** | Quyết định cho trở lại quốc tịch Việt Nam hoặc Văn bản thông báo không đủ điều kiện trở lại quốc tịch Việt Nam. | | | | | | | |
| - | Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh Hà Tĩnh. | | | | | | | |
| Hồ sơ được lưu tại HC&BTTP, thời gian lưu 03 năm. Sau khi hết hạn, chuyển hồ sơ xuống bộ phận lưu trữ của cơ quan và lưu trữ theo quy định hiện hành. | | | | | | | | |

**4. Thôi quốc tịch Việt Nam ở trong nước**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **1** | **KÝ HIỆU QUY TRÌNH** | | | | **QT.QT.04** | | | |
| **2** | **NỘI DUNG QUY TRÌNH** | | | | | | | |
| **2.1** | **Điều kiện thực hiện TTHC:** | | | | | | | |
|  | - Người xin thôi quốc tịch Việt Nam chưa được thôi quốc tịch Việt Nam, nếu thuộc một trong những trường hợp sau đây:  + Đang nợ thuế đối với Nhà nước hoặc đang có nghĩa vụ tài sản đối với cơ quan, tổ chức hoặc cá nhân ở Việt Nam;  + Đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự;  + Đang chấp hành bản án, quyết định của Toà án Việt Nam;  + Đang bị tạm giam để chờ thi hành án;  + Đang chấp hành quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở giáo dục, cơ sở chữa bệnh, trường giáo dưỡng.  - Người xin thôi quốc tịch Việt Nam không được thôi quốc tịch Việt Nam, nếu việc đó làm phương hại đến lợi ích quốc gia của Việt Nam.  - Cán bộ, công chức và những người đang phục vụ trong lực lượng vũ trang nhân dân Việt Nam không được thôi quốc tịch Việt Nam. | | | | | | | |
| **2.2** | **Cách thức thực hiện TTHC:** | | | | | | | |
|  | Thực hiện trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích tại Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh Hà Tĩnh - Số 02A, đường Nguyễn Chí Thanh, thành phố Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh; không ủy quyền cho người khác nộp hồ sơ. | | | | | | | |
| **2.3** | **Thành phần hồ sơ, bao gồm:** | | | | | | **Bản chính** | **Bản sao** |
| ***-*** | *Đơn xin thôi quốc tịch Việt Nam, theo mẫu BM.QT.04.01 hoặc Đơn xin thôi quốc tịch Việt Nam dùng cho người đại diện theo pháp luật làm Đơn xin thôi quốc tịch Việt Nam cho người được đại diện , theo mẫu BM.QT.04.02;* | | | | | | x |  |
| ***-*** | *Tờ khai lý lịch, theo mẫu BM.QT.04.03;* | | | | | | x |  |
| **-** | Bản sao Hộ chiếu Việt Nam, Giấy chứng minh nhân dân hoặc giấy tờ khác quy định tại Điều 11 của Luật quốc tịch năm 2008; | | | | | |  | x |
| **-** | Phiếu lý lịch tư pháp do cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam, nơi đương sự thường trú cấp. Phiếu lý lịch tư pháp phải là phiếu được cấp không quá 90 ngày tính đến ngày nộp hồ sơ; | | | | | | x |  |
| **-** | Giấy tờ xác nhận về việc người đó đang làm thủ tục nhập quốc tịch nước ngoài, trừ trường hợp pháp luật nước đó không quy định về việc cấp giấy này (Giấy tờ xác nhận việc người xin thôi quốc tịch Việt Nam đang làm thủ tục nhập quốc tịch nước ngoài quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 28 Luật Quốc tịch Việt Nam là giấy tờ do cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài xác nhận hoặc bảo đảm cho người đó được nhập quốc tịch nước ngoài; trường hợp người xin thôi quốc tịch Việt Nam đã có quốc tịch nước ngoài thì nộp bản sao Hộ chiếu hoặc giấy tờ về nhân thân có dán ảnh do cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài cấp để chứng minh người đó đang có quốc tịch nước ngoài); | | | | | | x |  |
| **-** | Giấy xác nhận không nợ thuế do Cục thuế nơi người xin thôi quốc tịch Việt Nam cư trú cấp; | | | | | | x |  |
| **-** | Đối với người trước đây là cán bộ, công chức hoặc phục vụ trong lực lượng vũ trang nhân dân đã về hưu, thôi việc, nghỉ công tác hoặc giải ngũ chưa quá 05 năm thì còn phải nộp giấy của cơ quan đã quyết định hưu trí, thôi việc, nghỉ công tác hoặc giải ngũ xác nhận việc thôi quốc tịch Việt Nam của người đó không phương hại đến lợi ích quốc gia của Việt Nam (Giấy xác nhận này do thủ trưởng cơ quan, đơn vị căn cứ vào quy chế của ngành để xác nhận việc thôi quốc tịch Việt Nam của người đó không ảnh hưởng đến việc bảo vệ bí mật quốc gia hoặc không trái với quy định của ngành đó);  Trường hợp công dân Việt Nam không thường trú ở trong nước thì không phải nộp các giấy tờ quy định tại gạch ngang (-) thứ 5, 7, 8 thủ tục này; | | | | | | x |  |
| **-** | Bản sao Giấy khai sinh của người con chưa thành niên cùng thôi quốc tịch Việt Nam theo cha mẹ hoặc giấy tờ hợp lệ khác chứng minh quan hệ cha con, mẹ con. Trường hợp chỉ người cha hoặc người mẹ thôi quốc tịch Việt Nam mà con chưa thành niên sinh sống cùng người đó thôi quốc tịch Việt Nam theo cha hoặc mẹ thì phải nộp văn bản thỏa thuận có đủ chữ ký của cha mẹ về việc xin thôi quốc tịch Việt Nam cho con. Văn bản thỏa thuận không phải chứng thực chữ ký; người đứng đơn xin thôi quốc tịch Việt Nam cho con phải chịu trách nhiệm về tính chính xác chữ ký của người kia;  Trường hợp cha, mẹ đã chết, bị mất năng lực hành vi dân sự hoặc hạn chế năng lực hành vi dân sự thì văn bản thỏa thuận được thay thế bằng giấy tờ chứng minh cha, mẹ đã chết, bị mất hoặc hạn chế năng lực hành vi dân sự. | | | | | |  | x |
|  | \* Lưu ý khi nộp hồ sơ:  + Nếu nộp hồ sơ trực tiếp tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh. Trường hợp yêu cầu bản sao thì kèm theo bản chính để đối chiếu.  + Nếu nộp hồ sơ qua đường bưu điện thì nộp bản sao có chứng thực của cơ quan có thẩm quyền.  + Giấy tờ có trong hồ sơ xin thôi quốc tịch Việt Nam do cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài cấp phải được hợp pháp hóa lãnh sự, trừ trường hợp được miễn hợp pháp hóa lãnh sự theo quy định của pháp luật Việt Nam hoặc điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên.  + Giấy tờ bằng tiếng nước ngoài có trong hồ sơ xin thôi quốc tịch Việt Nam phải được dịch sang tiếng Việt; bản dịch phải được công chứng hoặc chứng thực chữ ký người dịch theo quy định của pháp luật Việt Nam. | | | | | | | |
| **2.4** | **Số lượng hồ sơ:** 03 bộ. | | | | | | | |
| **2.5** | **Thời hạn giải quyết:**  - 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Tư pháp có trách nhiệm:  + Đăng thông báo về việc xin thôi quốc tịch Việt Nam trên một tờ báo viết hoặc báo điện tử ở địa phương trong ba số liên tiếp và gửi đăng trên Trang thông tin điện tử của Bộ Tư pháp. Thông báo trên Trang thông tin điện tử phải được lưu giữ trong thời gian ít nhất 30 ngày, kể từ ngày đăng thông báo.  + Đề nghị cơ quan Công an cấp tỉnh xác minh về nhân thân của người xin thôi quốc tịch Việt Nam.  Trong thời hạn 60 ngày, kể từ ngày Sở Tư pháp đăng tải thông tin về người xin thôi quốc tịch Việt Nam theo quy định tại khoản 2 Điều 29 Luật Quốc tịch Việt Nam, cơ quan Công an, cơ quan Thi hành án dân sự, cơ quan quản lý thuế hoặc cơ quan, tổ chức, cá nhân khác nếu phát hiện thấy người xin thôi quốc tịch Việt Nam thuộc trường hợp chưa được thôi hoặc không được thôi quốc tịch Việt Nam theo quy định tại các khoản 2, 3 và 4 Điều 27 Luật Quốc tịch Việt Nam và Điều 17 của Nghị định 16/2020/NĐ-CP thì phải kịp thời thông báo cho Sở Tư pháp, nơi đã đăng tải thông tin.  - 10 ngày, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị của Sở Tư pháp, cơ quan Công an cấp tỉnh có trách nhiệm xác minh và gửi kết quả đến Sở Tư pháp.  - 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được kết quả xác minh, Sở Tư pháp có trách nhiệm hoàn tất hồ sơ trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.  - 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị của Sở Tư pháp, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm xem xét, kết luận và đề xuất ý kiến gửi Bộ Tư pháp.  - 20 ngày, kể từ ngày nhận được văn bản đề xuất của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, Bộ Tư pháp có trách nhiệm kiểm tra lại hồ sơ, báo cáo Thủ tướng Chính phủ trình Chủ tịch nước xem xét, quyết định.  - 20 ngày, kể từ ngày nhận được đề nghị của Thủ tướng Chính phủ, Chủ tịch nước xem xét, quyết định. | | | | | | | |
| **2.6** | **Địa điểm tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC:**  Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh Hà Tĩnh - Số 02A, đường Nguyễn Chí Thanh, thành phố Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh. | | | | | | | |
| **2.7** | **Cơ quan thực hiện:** Sở Tư pháp.  **Cơ quan có thẩm quyền quyết định:** Chủ tịch nước  **Cơ quan được ủy quyền:** Không.  **Cơ quan phối hợp:** Công an tỉnh | | | | | | | |
| **2.8** | **Đối tượng thực hiện TTHC:** Cá nhân | | | | | | | |
| **2.9** | **Kết quả giải quyết TTHC:**  -Hồ sơ đủ điều kiện: Quyết định cho thôi quốc tịch Việt Nam.  - Hồ sơ không đủ điều kiện: Văn bản thông báo không đủ điều kiện thôi quốc tịch Việt Nam. | | | | | | | |
| **2.10** | **Quy trình xử lý công việc** | | | | | | | |
| **TT** | **Trình tự** | | **Trách nhiệm** | **Thời gian** | | **Biểu mẫu/Kết quả** | | |
| B1 | 1. Tiếp nhận hồ sơ:  Tiếp nhận hồ sơ trực tiếp từ cá nhân hoặc từ hệ thống bưu chính.  2. Công chức TN&TKQ kiểm tra hồ sơ:  - Nếu hồ sơ đầy đủ, hợp lệ thì làm thủ tục tiếp nhận hồ sơ, hẹn trả kết quả cho tổ chức, cá nhân và thu phí theo quy định (nếu có).  - Nếu hồ sơ chưa đầy đủ hoặc không hợp lệ thì hướng dẫn bổ sung, hoàn thiện hồ sơ. Nếu không bổ sung, hoàn thiện được thì từ chối tiếp nhận hồ sơ. | | Công chức TN&TKQ | Giờ hành chính | | Mẫu 01, 02 (nếu có), 06 và Hồ sơ theo mục 2.3 | | |
| B2 | Chuyển hồ sơ cho Phòng Hành chính và bổ trợ tư pháp (HC&BTTP) xử lý | | Công chức TN&TKQ | 02 giờ | | Mẫu 01, 05 và Hồ sơ kèm theo | | |
| B3 | Duyệt hồ sơ, chuyển cho chuyên viên xử lý | | Lãnh đạo phòng HC&BTTP | 02 giờ | | Mẫu 05 và Hồ sơ kèm theo | | |
| B4 | Chuyên viên được phân công có trách nhiệm kiểm tra và thụ lý hồ sơ:  - Trường hợp người xin thôi quốc tịch Việt Nam cư trú ở trong nước thì xây dựng thông báo và gửi đăng thông báo về việc xin thôi quốc tịch Việt Nam trên một tờ báo viết hoặc báo điện tử ở địa phương trong ba số liên tiếp và gửi đăng trên Cổng Thông tin điện tử của Bộ Tư pháp.  - Xây dựng văn bản đề nghị Công an tỉnh xác minh việc thôi quốc tịch, trình lãnh đạo phòng xem xét, ký duyệt | | Chuyên viên Phòng HC&BTTP | 01 ngày | | Mẫu 05 và Dự thảo văn bản gửi Công an tỉnh; Dự thảo văn bản gửi đăng thông báo (nếu có) | | |
| B5 | Kiểm tra hồ sơ, ký nháy duyệt dự thảo văn bản tại B4, trực tiếp hoặc giao chuyên viên trình lãnh đạo Sở | | Lãnh đạo Phòng HC&BTTP | 02 giờ | | Mẫu 05 và Dự thảo văn bản gửi Công an tỉnh; dự thảo văn bản gửi đăng thông báo đã ký nháy | | |
| B6 | Ký duyệt dự thảo văn bản tại B5, chuyển phòng chuyên môn để phát hành | | Lãnh đạo Sở Tư pháp | 01 giờ | | Mẫu 05 và Văn bản gửi Công an tỉnh; văn bản gửi đăng thông báo | | |
| B7 | Phát hành văn bản | | Văn thư | 01 giờ | | Mẫu 05 và Văn bản gửi Công an tỉnh; văn bản gửi đăng thông báo | | |
| B8 | Công an tỉnh trả lời xác minh theo đề nghị của Sở Tư pháp | | Công an tỉnh | 10 ngày | | Mẫu 05 và Văn bản trả lời xác minh | | |
| B9 | Nhận kết quả từ Công an tỉnh, hoàn thiện hồ sơ:  + Nếu đủ điều kiện: Dự thảo văn bản trình UBND tỉnh, tiếp tục thực hiện theo B5, B6, B7; gửi bản điện tử và nộp hồ sơ trình UBND tỉnh tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh;  + Nếu không đủ điều kiện: Dự thảo văn bản thông báo không đủ điều kiện thôi quốc tịch Việt Nam, tiếp tục thực hiện theo B5, B6, B7 và chuyển đến B14. | | Chuyên viên Phòng HC&BTTP | 01 ngày | | Mẫu 05 và Văn bản trình UBND tỉnh kèm hồ sơ hoặc Văn bản thông báo không đủ điều kiện thôi quốc tịch Việt Nam | | |
| B10 | UBND tỉnh xem xét, kết luận và đề xuất ý kiến gửi Bộ Tư pháp | | UBND tỉnh | 02 ngày | | Văn bản gửi Bộ Tư pháp kèm hồ sơ | | |
| B11 | Bộ Tư pháp kiểm tra lại hồ sơ, xem xét, kết luận:  - Đủ điều kiện: Báo cáo Thủ tướng Chính phủ trình Chủ tịch nước.  - Không đủ điều kiện: Văn bản thông báo không đủ điều kiện thôi quốc tịch Việt Nam. | | Bộ Tư pháp | 20-30 ngày | | Văn bản báo cáo Thủ tướng Chính phủ trình Chủ tịch nước kèm hồ sơ hoặc Văn bản thông báo không đủ điều kiện thôi quốc tịch Việt Nam | | |
| B12 | Xem xét hồ sơ xin cho thôi quốc tịch Việt Nam | | Chủ tịch nước | 20 ngày | | Quyết định cho thôi quốc tịch Việt Nam hoặc văn bản gửi người yêu cầu thông báo không đủ điều kiện thôi quốc tịch | | |
| B13 | - Nếu đủ điều kiện: Nhận Quyết định cho thôi quốc tịch Việt Nam, chuyển Bộ phận TN&TKQ tại Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh.  - Nếu không đủ điều kiện: Nhận văn bản thông báo không đủ điều kiện thôi quốc tịch từ Bộ Tư pháp và xây dựng văn bản gửi người yêu cầu thông báo không đủ điều kiện thôi quốc tịch, chuyển Bộ phận TN&TKQ tại Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh. | | Văn thư; Phòng HC&BTTP | 04 giờ | | Mẫu 05, 06; Quyết định cho thôi quốc tịch Việt Nam hoặc văn bản gửi người yêu cầu thông báo không đủ điều kiện thôi quốc tịch | | |
| B14 | Trả kết quả cho tổ chức cá nhân | | Công chức TN&TKQ | Giờ hành chính | | Mẫu 01, 06 kèm Quyết định cho thôi quốc tịch Việt Nam hoặc văn bản gửi người yêu cầu thông báo không đủ điều kiện thôi quốc tịch | | |
|  | \* Trường hợp hồ sơ quá hạn xử lý, trong thời gian chậm nhất 01 ngày trước ngày hết hạn xử lý, Sở Tư pháp ban hành phiếu xin lỗi và hẹn lại ngày trả kết quả chuyển sang Bộ phận TN&TKQ để gửi cho tổ chức, cá nhân.  \* Trong quá trình giải quyết hồ sơ người có trách nhiệm thực hiện cần thực hiện đồng thời các thao tác tiếp nhận/chuyển/trả hồ sơ, kết quả giải quyết trên Cổng Dịch vụ công Quốc gia tại địa chỉ <https://dichvucong.gov.vn> hoặc Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh Hà Tĩnh tại địa chỉ <https://dichvucong.hatinh.gov.vn> với các bước trong quy trình. | | | | | | | |
| **3** | **BIỂU MẪU** | | | | | | | |
|  | Mẫu 01 | Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả | | | | | | |
|  | Mẫu 02 | Phiếu yêu cầu bổ sung hoàn thiện hồ sơ | | | | | | |
|  | Mẫu 03 | Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ | | | | | | |
|  | Mẫu 04 | Phiếu xin lỗi và hẹn lại ngày trả kết quả | | | | | | |
|  | Mẫu 05 | Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ | | | | | | |
|  | Mẫu 06 | Sổ theo dõi hồ sơ | | | | | | |
|  | *BM.QT.04.01* | *Đơn xin thôi quốc tịch Việt Nam* | | | | | | |
|  | *BM.QT.04.02* | *Đơn xin thôi quốc tịch Việt Nam dùng cho người đại diện theo pháp luật làm Đơn xin thôi quốc tịch Việt Nam cho người được đại diện* | | | | | | |
|  | *BM.QT.04.03* | *Tờ khai lý lịch* | | | | | | |
| **4** | **HỒ SƠ LƯU** | | | | | | | |
| **-** | Mẫu 01, 02, 03, 04 (nếu có) và 06 lưu tại Bộ phận TN&TKQ của Sở Tư pháp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh. Mẫu 01, 05 lưu theo hồ sơ; | | | | | | | |
| **-** | Hồ sơ đầu vào theo mục 2.3; | | | | | | | |
| **-** | Thông báo về việc xin thôi quốc tịch Việt Nam (nếu có); | | | | | | | |
| **-** | Văn bản gửi Công an tỉnh xác minh việc trở lại quốc tịch; | | | | | | | |
| **-** | Văn bản trả lời xác minh của Công an tỉnh; | | | | | | | |
| **-** | Văn bản trình UBND tỉnh về việc thôi quốc tịch Việt Nam; | | | | | | | |
| **-** | Quyết định cho thôi quốc tịch Việt Nam hoặc văn bản gửi người yêu cầu thông báo không đủ điều kiện thôi quốc tịch. | | | | | | | |
| - | Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh Hà Tĩnh. | | | | | | | |
| Hồ sơ được lưu tại phòng HC&BTTP, thời gian lưu 03 năm. Sau khi hết hạn, chuyển hồ sơ xuống bộ phận lưu trữ của cơ quan và lưu trữ theo quy định hiện hành. | | | | | | | | |

**5. Cấp Giấy xác nhận có quốc tịch Việt Nam ở trong nước**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **1** | **KÝ HIỆU QUY TRÌNH** | | | | **QT.QT.05** | | | |
| **2** | **NỘI DUNG QUY TRÌNH** | | | | | | | |
| **2.1** | **Điều kiện thực hiện TTHC:** | | | | | | | |
|  | Không. | | | | | | | |
| **2.2** | **Cách thức thực hiện TTHC:** | | | | | | | |
|  | Thực hiện trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công tích đến Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh Hà Tĩnh - Số 02A, đường Nguyễn Chí Thanh, thành phố Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh; không ủy quyền cho người khác nộp hồ sơ. | | | | | | | |
| **2.3** | **Thành phần hồ sơ, bao gồm:** | | | | | | **Bản chính** | **Bản sao** |
| **-** | Trường hợp có giấy tờ chứng minh quốc tịch: | | | | | | | |
| ***+*** | *Tờ khai đề nghị cấp Giấy xác nhận có quốc tịch Việt Nam(theo mẫu BM.QT.05.01) hoặc Tờ khai đề nghị cấp Giấy xác nhận có quốc tịch Việt Nam dùng cho người đại diện theo pháp luật đề nghị cấp Giấy xác nhận có quốc tịch Việt Nam cho người được đại diện (theo mẫu BM.QT.05.02) kèm 02 ảnh 4x6 chụp chưa quá 6 tháng;* | | | | | | x |  |
| **+** | Bản sao giấy tờ về nhân thân của người đó như Chứng minh nhân dân, Căn cước công dân, giấy tờ cư trú, thẻ tạm trú, giấy thông hành, giấy tờ có giá trị đi lại quốc tế hoặc giấy tờ xác nhận về nhân thân có dán ảnh do cơ quan có thẩm quyền cấp; | | | | | |  | x |
| + | Bản sao giấy tờ có giá trị chứng minh quốc tịch Việt Nam theo quy định tại Điều 11 Luật Quốc tịch Việt Nam (Giấy khai sinh; trường hợp Giấy khai sinh không thể hiện rõ quốc tịch Việt Nam thì phải kèm theo giấy tờ chứng minh quốc tịch Việt Nam của cha mẹ; Giấy chứng minh nhân dân; Hộ chiếu Việt Nam; Quyết định cho nhập quốc tịch Việt Nam, Quyết định cho trở lại quốc tịch Việt Nam, Quyết định công nhận việc nuôi con nuôi đối với trẻ em là người nước ngoài, Quyết định cho người nước ngoài nhận trẻ em Việt Nam làm con nuôi) hoặc giấy tờ tương tự do chính quyền cũ trước đây cấp, kể cả Giấy khai sinh trong đó không có mục quốc tịch hoặc mục quốc tịch bỏ trống nhưng trên đó ghi họ tên Việt Nam của người yêu cầu và cha, mẹ của người đó; | | | | | |  | x |
| **-** | Trường hợp không có giấy tờ chứng minh quốc tịch nhưng có giấy tờ làm cơ sở để xác định có quốc tịch Việt Nam theo quy định tại khoản 2 Điều 28 Nghị định số 16/2020/NĐ-CP: | | | | | | | |
| *+* | *Tờ khai đề nghị cấp Giấy xác nhận có quốc tịch Việt Nam(theo mẫu BM.QT.05.01) hoặc Tờ khai đề nghị cấp Giấy xác nhận có quốc tịch Việt Nam dùng cho người đại diện theo pháp luật đề nghị cấp Giấy xác nhận có quốc tịch Việt Nam cho người được đại diện (theo mẫu BM.QT.05.02) kèm 02 ảnh 4x6 chụp chưa quá 6 tháng;* | | | | | | x |  |
| + | Bản sao giấy tờ về nhân thân của người đó như Chứng minh nhân dân, Căn cước công dân, giấy tờ cư trú, thẻ tạm trú, giấy thông hành, giấy tờ có giá trị đi lại quốc tế hoặc giấy tờ xác nhận về nhân thân có dán ảnh do cơ quan có thẩm quyền cấp; | | | | | |  | x |
| + | Bản khai lý lịch kèm theo một trong các giấy tờ để làm cơ sở xác minh về quốc tịch, gồm: bản sao giấy tờ về quốc tịch, hộ tịch, hộ khẩu, căn cước hoặc giấy tờ khác do cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam cấp cho công dân Việt Nam qua các thời kỳ từ năm 1945 đến trước ngày 01 tháng 7 năm 2009, trong đó có ghi quốc tịch Việt Nam hoặc thông tin liên quan đến quốc tịch, công dân Việt Nam; bản sao giấy tờ về quốc tịch, hộ tịch, hộ khẩu, căn cước hoặc giấy tờ khác do chế độ cũ ở miền Nam Việt Nam cấp trước ngày 30 tháng 4 năm 1975 hoặc giấy tờ do chính quyền cũ ở Hà Nội cấp từ năm 1911 đến năm 1956, trong đó có ghi quốc tịch Việt Nam hoặc thông tin liên quan đến quốc tịch, công dân Việt Nam*.* | | | | | |  | x |
|  | \* Lưu ý khi nộp hồ sơ:  + Nếu nộp hồ sơ trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, trường hợp yêu cầu bản sao thì kèm theo bản chính để đối chiếu;  + Nếu nộp hồ sơ qua đường bưu điện thì nộp bản sao có chứng thực của cơ quan có thẩm quyền. | | | | | | | |
| **2.4** | **Số lượng hồ sơ:** 01 bộ. | | | | | | | |
| **2.5** | **Thời hạn giải quyết:**  - Đối với trường hợp có giấy tờ chứng minh quốc tịch Việt Nam:  + Sở Tư pháp tra cứu quốc tịch Việt Nam: 02 ngày làm việc.  + Bộ Tư pháp tra cứu và có văn bản trả lời Sở Tư pháp: 10 ngày. Nếu có nghi ngờ về tính xác thực của giấy tờ chứng minh quốc tịch Việt Nam thì Sở Tư pháp yêu cầu cơ quan đã cấp giấy tờ đó xác minh trong thời hạn 10 ngày.  + Sở Tư pháp cấp Giấy xác nhận có quốc tịch Việt Nam: 02 ngày làm việc.  - Đối với trường hợp không có giấy tờ chứng minh quốc tịch Việt Nam, nhưng có giấy tờ làm cơ sở để xác định có quốc tịch Việt Nam theo quy định tại khoản 2 Điều 28 của Nghị định số 16/2020/NĐ-CP:  + Sở Tư pháp tra cứu quốc tịch Việt Nam: 02 ngày làm việc.  + Bộ Tư pháp tra cứu và có văn bản trả lời Sở Tư pháp: 10 ngày; Cơ quan Công an cùng cấp xác minh về nhân thân: 45 ngày.  + Sở Tư pháp cấp Giấy xác nhận có quốc tịch Việt Nam: 02 ngày làm việc. | | | | | | | |
| **2.6** | **Địa điểm tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC:**  Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh Hà Tĩnh - Số 02A, đường Nguyễn Chí Thanh, thành phố Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh. | | | | | | | |
| **2.7** | **Cơ quan thực hiện:** Sở Tư pháp.  **Cơ quan có thẩm quyền quyết định**: Sở Tư pháp.  **Cơ quan được ủy quyền**: Không.  **Cơ quan phối hợp:** Không. | | | | | | | |
| **2.8** | **Đối tượng thực hiện TTHC:** Cá nhân | | | | | | | |
| **2.9** | **Kết quả giải quyết TTHC:**  -Hồ sơ đủ điều kiện: Giấy xác nhận có quốc tịch Việt Nam.  - Hồ sơ không đủ điều kiện: Văn bản thông báo không đủ điều kiện cấp giấy xác nhận có quốc tịch Việt Nam. | | | | | | | |
| **2.10** | **Quy trình xử lý công việc** | | | | | | | |
| **TT** | **Trình tự** | | **Trách nhiệm** | **Thời gian** | | **Biểu mẫu/Kết quả** | | |
| B1 | 1. Tiếp nhận hồ sơ:  Tiếp nhận hồ sơ trực tiếp từ cá nhân hoặc từ dịch vụ bưu chính công ích.  2. Công chức TN&TKQ kiểm tra hồ sơ:  - Nếu hồ sơ đầy đủ, hợp lệ thì làm thủ tục tiếp nhận hồ sơ, hẹn trả kết quả cho tổ chức, cá nhân và thu phí theo quy định (nếu có).  - Nếu hồ sơ chưa đầy đủ hoặc không hợp lệ thì hướng dẫn bổ sung, hoàn thiện hồ sơ. Nếu không bổ sung, hoàn thiện được thì từ chối tiếp nhận hồ sơ. | | Công chức TN&TKQ | Giờ hành chính | | Mẫu 01, 02 (nếu có), 06 và Hồ sơ theo mục 2.3 | | |
| B2 | Chuyển hồ sơ cho Phòng Hành chính và bổ trợ tư pháp (HC&BTTP) xử lý | | Công chức TN&TKQ | 02 giờ | | Mẫu 01, 05 và Hồ sơ kèm theo | | |
| B3 | Duyệt hồ sơ, chuyển cho chuyên viên xử lý | | Lãnh đạo phòng HC&BTTP | 02 giờ | | Mẫu 05 và Hồ sơ kèm theo | | |
| B4 | **Kiểm tra và thụ lý hồ sơ:** | | Chuyên viên, Lãnh đạo Phòng HC&BTTP; Lãnh đạo Sở, Văn thư | 01 ngày | | Mẫu 05 và Dự thảo văn bản đề nghị Bộ Tư pháp tra cứu quốc tịch Việt Nam/Dự thảo văn bản đề nghị xác minh (nếu có) | | |
| - Nếu thuộc trường hợp có giấy tờ chứng minh quốc tịch Việt Nam:  + Dự thảo văn bản đề nghị Bộ Tư pháp tra cứu quốc tịch Việt Nam trình lãnh đạo phòng và lãnh đạo Sở xem xét, ký duyệt Văn thư đóng dấu phát hành văn bản.  + Nếu có nghi ngờ về tính xác thực của giấy tờ chứng minh quốc tịch Việt Nam thì báo cáo Lãnh đạo Sở và dự thảo văn bản yêu cầu cơ quan đã cấp giấy tờ đó xác minh trình lãnh đạo phòng, Lãnh đạo Sở xem xét ký duyệt, Văn thư đóng dấu phát hành văn bản | |
| + Bộ Tư pháp tiến hành tra cứu và có văn bản trả lời Sở Tư pháp.  + Cơ quan đã cấp giấy tờ đó tiến hành xác minh và có văn bản trả lời Sở Tư pháp. | | Bộ tư pháp/ Cơ quan đã cấp giấy tờ | 10 ngày | | Văn bản trả lời xác minh | | |
| - Đối với trường hợp không có giấy tờ chứng minh quốc tịch Việt Nam, nhưng có giấy tờ làm cơ sở để xác định có quốc tịch Việt Nam theo quy định tại khoản 2 Điều 28 của Nghị định số 16/2020/NĐ-CP:  + Chuyên viên dự thảo văn bản đề nghị Bộ Tư pháp tra cứu quốc tịch Việt Nam, Văn bản đề nghị cơ quan Công an cùng cấp xác minh về nhân thân của người có yêu cầu trình Lãnh đạo phòng xem xét ký nháy, ký duyệt; Văn thư đóng dấu, phát hành văn bản | | Chuyên viên, lãnh đạo Phòng HC&BTTP; Lãnh đạo Sở; Văn thư | 01 ngày | | Mẫu 05 và Dự thảo văn bản đề nghị Bộ Tư pháp tra cứu quốc tịch Việt Nam và dự thảo văn bản đề nghị Công an tỉnh | | |
| + Bộ Tư pháp tiến hành tra cứu và có văn bản trả lời Sở Tư pháp  + Cơ quan Công an tiến hành xác minh và có văn bản trả lời Sở Tư pháp. | | Bộ Tư pháp | 10 ngày | | Văn bản trả lời xác minh | | |
| Công an tỉnh | 45 ngày | |
| B5 | + Kể từ ngày nhận được kết quả tra cứu, xác minh, nếu có đủ căn cứ để xác định quốc tịch Việt Nam và người đó không có tên trong danh sách được thôi quốc tịch, bị tước quốc tịch, bị hủy bỏ quyết định cho nhập quốc tịch Việt Nam, chuyên viên được phân công tham mưu ghi vào Sổ cấp Giấy xác nhận có quốc tịch Việt Nam; dự thảo Giấy xác nhận có quốc tịch Việt Nam trình Lãnh đạo phòng và Lãnh đạo Sở ký.  Nếu không có cơ sở để cấp Giấy xác nhận có quốc tịch Việt Nam, dự thảo văn bản trả lời cho người yêu cầu biết, trình Lãnh đạo phòng và Lãnh đạo Sở ký. | | Chuyên viên Phòng HC&BTTP | 01 ngày | | Mẫu 05 và Dự thảo Giấy xác nhận có quốc tịch Việt Nam hoặc văn bản thông báo không đủ điều kiện cấp giấy xác nhận có quốc tịch Việt Nam | | |
| B6 | Kiểm tra hồ sơ, ký nháy duyệt dự thảo kết quả giải quyết TTHC tại B5, trực tiếp hoặc giao chuyên viên trình lãnh đạo Sở | | Lãnh đạo Phòng HC&BTTP | 04 giờ | | Mẫu 05 và Dự thảo Giấy xác nhận có quốc tịch Việt Nam hoặc văn bản thông báo không đủ điều kiện cấp giấy xác nhận có quốc tịch Việt Nam | | |
| B7 | Ký duyệt dự thảo kết quả giải quyết TTHC tại B6, chuyển Phòng HC&BTTP để phát hành | | Lãnh đạo Sở Tư pháp | 02 giờ | | Mẫu 05 và Giấy xác nhận có quốc tịch Việt Nam hoặc văn bản thông báo không đủ điều kiện cấp giấy xác nhận có quốc tịch Việt Nam | | |
| B8 | Phát hành văn bản và trả kết quả cho Bộ phận TN&TKQ | | Văn thư | 02 giờ | | Mẫu 05, 06 và Giấy xác nhận có quốc tịch Việt Nam hoặc văn bản thông báo không đủ điều kiện cấp giấy xác nhận có quốc tịch Việt Nam | | |
| B9 | Trả kết quả cho cá nhân | | Công chức TN&TKQ | Giờ hành chính | | Mẫu 01, 06 kèm Giấy xác nhận có quốc tịch Việt Nam hoặc văn bản thông báo không đủ điều kiện cấp giấy xác nhận có quốc tịch Việt Nam | | |
|  | \* Trường hợp hồ sơ quá hạn xử lý, trong thời gian chậm nhất 01 ngày trước ngày hết hạn xử lý, Sở Tư pháp ban hành phiếu xin lỗi và hẹn lại ngày trả kết quả chuyển sang Bộ phận TN&TKQ để gửi cho tổ chức, cá nhân.  \* Trong quá trình giải quyết hồ sơ người có trách nhiệm thực hiện cần thực hiện đồng thời các thao tác tiếp nhận/chuyển/trả hồ sơ, kết quả giải quyết trên Cổng Dịch vụ công Quốc gia tại địa chỉ <https://dichvucong.gov.vn> hoặc Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh Hà Tĩnh tại địa chỉ <https://dichvucong.hatinh.gov.vn> với các bước trong quy trình. | | | | | | | |
| **3** | **BIỂU MẪU** | | | | | | | |
|  | Mẫu 01 | Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả | | | | | | |
|  | Mẫu 02 | Phiếu yêu cầu bổ sung hoàn thiện hồ sơ | | | | | | |
|  | Mẫu 03 | Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ | | | | | | |
|  | Mẫu 04 | Phiếu xin lỗi và hẹn lại ngày trả kết quả | | | | | | |
|  | Mẫu 05 | Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ | | | | | | |
|  | Mẫu 06 | Sổ theo dõi hồ sơ | | | | | | |
|  | *BM.QT.05.01* | *Tờ khai xác nhận có quốc tịch Việt Nam* | | | | | | |
|  | *BM.QT.05.02* | *Tờ khai đề nghị cấp Giấy xác nhận có quốc tịch Việt Nam dùng cho người đại diện theo pháp luật đề nghị cấp Giấy xác nhận có quốc tịch Việt Nam cho người được đại diện* | | | | | | |
| **4** | **HỒ SƠ LƯU** | | | | | | | |
| - | Mẫu 01, 02, 03, 04 (nếu có) và 06 lưu tại Bộ phận TN&TKQ của Sở Tư pháp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh. Mẫu 01, 05 lưu theo hồ sơ; | | | | | | | |
| - | Hồ sơ đầu vào theo mục 2.3; | | | | | | | |
| - | Văn bản đề nghị xác minh s(nếu có); | | | | | | | |
| - | Văn bản trả lời của cơ quan xác minh; | | | | | | | |
| - | Giấy xác nhận có quốc tịch Việt Nam hoặc Văn bản thông báo không đủ điều kiện cấp giấy xác nhận có quốc tịch Việt Nam. | | | | | | | |
| - | Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh Hà Tĩnh. | | | | | | | |
| Hồ sơ được lưu tại Phòng HC&BTTP, thời gian lưu 03 năm. Sau khi hết hạn, chuyển hồ sơ xuống bộ phận lưu trữ của cơ quan và lưu trữ theo quy định hiện hành. | | | | | | | | |

**II. LĨNH VỰC HỘ TỊCH**

**1. Cấp bản sao trích lục hộ tịch**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **1** | **KÝ HIỆU QUY TRÌNH** | | | **QT.HT.01** | | | | | |
| **2** | **NỘI DUNG QUY TRÌNH** | | | | | | | | |
| **2.1** | **Điều kiện thực hiện TTHC:** | | | | | | | | |
|  | Không. | | | | | | | | |
| **2.2** | **Cách thức thực hiện TTHC:** | | | | | | | | |
|  | - Người có yêu cầu cấp bản sao trích lục hộ tịch trực tiếp thực hiện hoặc ủy quyền cho người khác thực hiện nộp hồ sơ trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh - Số 02A, đường Nguyễn Chí Thanh, thành phố Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh;  - Gửi hồ sơ qua hệ thống bưu chính công ích hoặc nộp hồ sơ trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn) hoặc Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh Hà Tĩnh (https://dichvucong.hatinh.gov.vn). | | | | | | | | |
| **2.3** | **Thành phần hồ sơ, bao gồm:** | | | | | | **Bản chính** | | **Bản sao** |
| *-* | *Tờ khai cấp bản sao trích lục hộ tịch, theo mẫu BM.HT.01.01 đối với cá nhân (nếu người có yêu cầu lựa chọn nộp hồ sơ theo hình thức trực tiếp hoặc gửi hồ sơ qua hệ thống bưu chính);* | | | | | | x | |  |
| - | Văn bản yêu cầu cấp bản sao Trích lục hộ tịch nêu rõ lý do trong trường hợp người yêu cầu là cơ quan, tổ chức (nếu người có yêu cầu lựa chọn nộp hồ sơ theo hình thức trực tiếp hoặc gửi hồ sơ qua hệ thống bưu chính) | | | | | | x | |  |
| - | Mẫu điện tử tương tác yêu cầu cấp bản sao Giấy khai sinh, bản sao Trích lục hộ tịch (do người yêu cầu cung cấp thông tin theo hướng dẫn trên Cổng dịch vụ công, nếu người có yêu cầu lựa chọn nộp hồ sơ theo hình thức trực tuyến); | | | | | |  | |  |
| - | Người có yêu cầu cấp bản sao Trích lục hộ tịch thực hiện việc nộp/xuất trình (theo hình thức trực tiếp) hoặc tải lên (theo hình thức trực tuyến) các giấy tờ sau: | | | | | |  | |  |
|  | ***\* Giấy tờ phải nộp:*** | | | | | |  | |  |
| - | Trường hợp ủy quyền cho người khác làm thay thì phải có văn bản ủy quyền được chứng thực theo quy định của pháp luật. Trường hợp người được ủy quyền là ông, bà, cha, mẹ, con, vợ, chồng, anh, chị, em ruột của người ủy quyền thì văn bản ủy quyền không phải chứng thực; | | | | | | x | |  |
|  | ***\* Giấy tờ phải xuất trình (đối với cá nhân):*** | | | | | | | | |
| **-** | Một trong các giấy tờ chứng minh nhân thân là Giấy CMND, Thẻ căn cước công dân, Hộ chiếu hoặc giấy tờ khác có dán ảnh và thông tin cá nhân do cơ quan có thẩm quyền cấp, còn giá trị sử dụng của người yêu cầu. Trường hợp các thông tin cá nhân trong các giấy tờ này đã có trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư (CSDLQGVDC), Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử (CSDLHTĐT), được hệ thống điền tự động thì không phải xuất trình (theo hình thức trực tiếp) hoặc tải lên (theo hình thức trực tuyến).  Trường hợp gửi hồ sơ qua hệ thống bưu chính thì phải gửi kèm theo bản sao có chứng thực các giấy tờ phải xuất trình nêu trên. | | | | | x | |  | |
|  | **\* Lưu ý:**  - Đối với giấy tờ nộp, xuất trình nếu người yêu cầu nộp hồ sơ theo hình thức trực tiếp:  + Trường hợp người yêu cầu nộp giấy tờ là bản sao được cấp từ sổ gốc hoặc bản sao được chứng thực từ bản chính thì người tiếp nhận hồ sơ không được yêu cầu xuất trình bản chính; nếu người yêu cầu chỉ nộp bản chụp và xuất trình bản chính thì người tiếp nhận hồ sơ kiểm tra, đối chiếu bản chụp với bản chính và ký vào bản chụp xác nhận về việc đã đối chiếu nội dung giấy tờ đó, không được yêu cầu người đi đăng ký nộp bản sao có chứng thực giấy tờ đó.  + Trường hợp pháp luật quy định xuất trình giấy tờ khi đăng ký hộ tịch, người tiếp nhận có trách nhiệm kiểm tra giấy tờ xuất trình, đối chiếu với thông tin trong Tờ khai và trả lại cho người xuất trình, không được yêu cầu người đăng ký hộ tịch nộp thêm bản sao giấy tờ đó. Người tiếp nhận có thể chụp 01 bản giấy tờ xuất trình hoặc ghi lại thông tin của giấy tờ xuất trình để lưu hồ sơ.  + Giấy tờ do cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài cấp, công chứng hoặc xác nhận để sử dụng cho việc đăng ký hộ tịch tại Việt Nam phải được hợp pháp hóa lãnh sự, trừ trường hợp được miễn theo điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên; giấy tờ bằng tiếng nước ngoài phải được dịch ra tiếng Việt và công chứng bản dịch hoặc chứng thực chữ ký người dịch theo quy định của pháp luật.  + Người tiếp nhận có trách nhiệm tiếp nhận đúng, đủ hồ sơ đăng ký hộ tịch theo quy định của pháp luật hộ tịch, không được yêu cầu người đăng ký hộ tịch nộp thêm giấy tờ mà pháp luật hộ tịch không quy định phải nộp.  *+ Người tiếp nhận hồ sơ thực hiện khai thác thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư theo quy định pháp luật nếu người yêu cầu đăng ký hộ tịch đã cung cấp họ, chữ đệm, tên; ngày, tháng, năm sinh; số định danh cá nhân/căn cước công dân/thẻ căn cước/chứng minh nhân dân. Trường hợp các thông tin cần khai thác không có trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư thì đề nghị người yêu cầu kê khai đầy đủ.*  - Trường hợp gửi hồ sơ qua hệ thống bưu chính thì phải gửi kèm theo bản sao có chứng thực các giấy tờ phải xuất trình.  - Đối với giấy tờ gửi kèm theo nếu người yêu cầu nộp hồ sơ theo hình thức trực tuyến:  + Bản chụp các giấy tờ gửi kèm theo hồ sơ cấp bản sao Trích lục hộ tịch trực tuyến phải bảo đảm rõ nét, đầy đủ, toàn vẹn về nội dung, là bản chụp bằng máy ảnh, điện thoại hoặc được chụp, được quét bằng thiết bị điện tử, từ giấy tờ được cấp hợp lệ, còn giá trị sử dụng; nếu là giấy tờ do cơ quan có thẩm quyền nước ngoài cấp thì phải được hợp pháp hóa lãnh sự, dịch sang tiếng Việt theo quy định, trừ trường hợp được miễn hợp pháp hóa lãnh sự.  + Trường hợp nhận kết quả (bản sao Trích lục hộ tịch) tại cơ quan đăng ký hộ tịch, người có yêu cầu cấp bản sao Trích lục hộ tịch phải xuất trình giấy tờ tuỳ thân; nộp các giấy tờ, tài liệu là thành phần hồ sơ cấp bản sao Trích lục hộ tịch theo quy định pháp luật hộ tịch. Trường hợp giấy tờ, tài liệu phải gửi kèm trong hồ sơ cấp bản sao Trích lục hộ tịch trực tiếp hoặc trực tuyến đã có bản sao điện tử hoặc đã có bản điện tử giấy tờ hộ tịch thì người yêu cầu được sử dụng bản điện tử này. | | | | | | | | |
| **2.4** | **Số lượng hồ sơ:** 01 bộ | | | | | | | | |
| **2.5** | **Thời hạn giải quyết:**  Trong ngày tiếp nhận hồ sơ. Trường hợp nhận hồ sơ sau 15 giờ mà không giải quyết được ngay thì trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo. | | | | | | | | |
| **2.6** | **Địa điểm tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC:**  - Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Hà Tĩnh-Số 02A, đường Nguyễn Chí Thanh, thành phố Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh.  - Cổng Dịch vụ công Quốc gia, địa chỉ: https://dichvucong.gov.vn hoặc Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh Hà Tĩnh, địa chỉ: <https://dichvucong.hatinh.gov.vn> (chỉ tiếp nhận hồ sơ). | | | | | | | | |
| **2.7** | **Cơ quan thực hiện:** Sở Tư pháp Hà Tĩnh.  **Cơ quan có thẩm quyền quyết định:** Sở Tư pháp Hà Tĩnh.  **Cơ quan được ủy quyền:** Không.  **Cơ quan phối hợp:** Không. | | | | | | | | |
| **2.8** | **Đối tượng thực hiện TTHC:** Cá nhân, tổ chức | | | | | | | | |
| **2.9** | **Kết quả giải quyết TTHC:**  -Hồ sơ đủ điều kiện: Bản sao Trích lục hộ tịch/Giấy khai sinh bản sao (gọi chung là bản sao Trích lục hộ tịch).  - Hồ sơ không đủ điều kiện: Văn bản thông báo không đủ điều kiện. | | | | | | | | |
| **2.10** | **Quy trình xử lý công việc** | | | | | | | | |
| **TT** | **Trình tự** | | **Trách nhiệm** | **Thời gian** | **Biểu mẫu/Kết quả** | | | | |
| B1 | 1. Tiếp nhận hồ sơ.  Tiếp nhận hồ sơ trực tiếp từ cá nhân hoặc từ hệ thống bưu chính hoặc trực tuyến qua Cổng Dịch vụ công Quốc gia địa chỉ https://dichvucong.gov.vn hoặc Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh Hà Tĩnh tại địa chỉ https://dichvucong.hatinh.gov.vn.  2. Công chức TN&TKQ kiểm tra hồ sơ:  - Nếu hồ sơ chưa đầy đủ hoặc không hợp lệ: Hướng dẫn bổ sung, hoàn thiện hồ sơ. Trường hợp người có yêu cầu cấp bản sao Trích lục hộ tịch không bổ sung, hoàn thiện được hồ sơ thì từ chối tiếp nhận hồ sơ.  - Nếu hồ sơ đầy đủ, hợp lệ: Làm thủ tục tiếp nhận hồ sơ, thu phí theo quy định.  Sau khi tiếp nhận hồ sơ theo hình thức nộp trực tiếp, công chức TN&TKQ thực hiện số hóa (sao chụp, chuyển thành tài liệu điện tử trên hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu) và ký số vào tài liệu, hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính đã được số hóa theo quy định. | | Công chức TN&TKQ; tổ chức, cá nhân | Giờ hành chính | Mẫu 01, 02, 03 (nếu có), 05, 06 và hồ sơ theo mục 2.3 | | | | |
| B2 | Chuyển hồ sơ cho công chức Phòng Hành chính và bổ trợ tư pháp (HC&BTTP) để xử lý. | | Công chức TN&TKQ | 1/2 giờ | Mẫu 01, 05 và Hồ sơ kèm theo | | | | |
| B3 | Kiểm tra, xem xét hồ sơ:  - Nếu đủ điều kiện:  + Trường hợp tiếp nhận hồ sơ theo hình thức trực tiếp: Công chức xử lý hồ sơ in bản sao Trích lục hộ tịch trình Lãnh đạo phòng duyệt, ký nháy.  + Trường hợp tiếp nhận hồ sơ theo hình thức trực tuyến, công chức xử lý gửi lại nội dung biểu mẫu Trích lục hộ tịch điện tử tương ứng với thông tin đầy đủ cho người yêu cầu qua thư điện tử hoặc thiết bị số.  Người yêu cầu có trách nhiệm kiểm tra tính chính xác, đầy đủ của các thông tin trên biểu mẫu Trích lục hộ tịch điện tử và xác nhận (tối đa một ngày).  Nếu người có yêu cấp bản sao Trích lục hộ tịch đã thống nhất, đầy đủ hoặc không có phản hồi sau thời hạn yêu cầu thì công chức làm công tác hộ tịch in bản sao Trích lục hộ tịch trình lãnh đạo phòng duyệt, ký nháy.  - Nếu không đủ điều kiện: Dự thảo Văn bản thông báo không đủ điều kiện trình lãnh đạo phòng duyệt, ký nháy;  - Trường hợp cần phải kiểm tra, xác minh làm rõ hoặc do nguyên nhân khác mà không thể trả kết quả đúng thời gian đã hẹn thì công chức xử lý lập Phiếu xin lỗi và hẹn lại ngày trả kết quả, trình Lãnh đạo phòng ký, trong đó nêu rõ lý do chậm trả kết quả và thời gian hẹn trả kết quả gửi cho người nộp hồ sơ. Sau khi xác minh, làm rõ thì thực hiện các nội dung từ bước B3 đến B7. | | Công chức xử lý hồ sơ | 02 giờ | Mẫu 04 (nếu có), 05 và dự thảo bản sao Trích lục hộ tịch hoặc Văn bản thông báo không đủ điều kiện | | | | |
| B4 | Kiểm tra kết quả thực hiện, duyệt, trực tiếp hoặc giao công chức xử lý hồ sơ trình lãnh đạo Sở. | | Lãnh đạo Phòng HC&BTTP | 1/2 giờ | Mẫu 05; dự thảo bản sao Trích lục hộ tịch hoặc Văn bản thông báo không đủ điều kiện | | | | |
| B5 | Ký duyệt kết quả giải quyết thủ tục hành chính tại B4. | | Lãnh đạo Sở | 1/2 giờ | Mẫu 05; Bản sao Trích lục hộ tịch hoặc Văn bản thông báo không đủ điều kiện | | | | |
| B6 | Phát hành văn bản và trả kết quả chuyển cho Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh. | | Văn thư; Phòng HC&BTTP | 1/2 giờ | Mẫu 05, 06 và Bản sao Trích lục hộ tịch hoặc Văn bản thông báo không đủ điều kiện | | | | |
| B7 | - Trả kết quả cho cá nhân, tổ chức.  - Người có yêu cầu cấp bản sao Trích lục hộ tịch được nhận kết quả theo một trong các phương thức sau đây:  + Nhận bản điện tử bản sao Trích lục hộ tịch gửi qua thư điện tử, Kho quản lý dữ liệu điện tử của tổ chức, cá nhân đó;  + Nhận bản điện tử bản sao Trích lục hộ tịch gửi vào thiết bị số, thông qua phương pháp truyền số liệu phù hợp, đảm bảo an toàn, bảo mật thông tin;  + Nhận kết quả là bản sao Trích lục hộ tịch thông qua hệ thống bưu chính;  + Nhận kết quả là bản sao Trích lục hộ tịch tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh. | | Công chức TN&TKQ | Giờ hành chính | Mẫu 01, 06; Bản sao Trích lục hộ tịch hoặc Văn bản thông báo không đủ điều kiện. | | | | |
|  | \* Trường hợp hồ sơ quá hạn xử lý, trong thời gian chậm nhất 01 giờ trước ngày hết hạn xử lý, Sở Tư pháp ban hành phiếu xin lỗi và hẹn lại ngày trả kết quả để gửi cho tổ chức, cá nhân.  \* Trong quá trình giải quyết hồ sơ người có trách nhiệm thực hiện cần thực hiện đồng thời các thao tác tiếp nhận/chuyển/trả hồ sơ, kết quả giải quyết trên Cổng Dịch vụ công Quốc gia tại địa chỉ <https://dichvucong.gov.vn> hoặc Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh Hà Tĩnh tại địa chỉ <https://dichvucong.hatinh.gov.vn> với các bước trong quy trình. | | | | | | | | |
| **3** | **BIỂU MẪU** | | | | | | | | |
|  | Mẫu 01 | Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả | | | | | | | |
|  | Mẫu 02 | Phiếu yêu cầu bổ sung hoàn thiện hồ sơ | | | | | | | |
|  | Mẫu 03 | Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ | | | | | | | |
|  | Mẫu 04 | Phiếu xin lỗi và hẹn lại ngày trả kết quả | | | | | | | |
|  | Mẫu 05 | Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ | | | | | | | |
|  | Mẫu 06 | Sổ theo dõi hồ sơ | | | | | | | |
|  | *BM.HT.01.01* | *Tờ khai cấp bản sao trích lục hộ tịch* | | | | | | | |
|  | BM.HT.01.02 | Mẫu điện tử tương tác yêu cầu cấp bản sao Giấy khai sinh, bản sao Trích lục hộ tịch (nếu nộp hồ sơ theo hình thức trực tuyến). | | | | | | | |
| **4** | **HỒ SƠ LƯU** | | | | | | | | |
| - | Mẫu 01; 02, 03, 04 (nếu có), 06 lưu tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh. Mẫu 01, 05 lưu theo hồ sơ; | | | | | | | | |
| - | Hồ sơ đầu vào theo mục 2.3; | | | | | | | | |
| - | Sổ cấp bản sao Trích lục hộ tịch; | | | | | | | | |
| - | Văn bản thông báo không đủ điều kiện (nếu có); | | | | | | | | |
| - | Phần mềm <http://khaisinhdientu.moj.gov.vn>; [http://hotichdientu.moj.gov.vn](http://hotich.moj.gov.vn); Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh Hà Tĩnh. | | | | | | | | |
| Hồ sơ được lưu tại Phòng HC&BTTP, thời gian lưu trữ thực hiện lưu theo quy định của Luật Hộ tịch và các văn bản hướng dẫn thi hành. Sau khi hết hạn, chuyển hồ sơ lưu trữ theo quy định hiện hành. | | | | | | | | | |

**2. Xác nhận thông tin hộ tịch**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **1** | **KÝ HIỆU QUY TRÌNH** | | | **QT.HT.02** | | | |
| **2** | **NỘI DUNG QUY TRÌNH** | | | | | | |
| **2.1** | **Điều kiện thực hiện TTHC:** Không. | | | | | | |
| **2.2** | **Cách thức thực hiện TTHC:** | | | | | | |
|  | - Người có yêu cầu xác nhận thông tin hộ tịch thực hiện hoặc ủy quyền cho người khác thực hiện nộp hồ sơ trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Hà Tĩnh - Số 02A, đường Nguyễn Chí Thanh, thành phố Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh;  - Gửi hồ sơ qua hệ thống bưu chính công ích hoặc nộp hồ sơ trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công Quốc gia (https://dichvucong.gov.vn) hoặc Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh Hà Tĩnh (https://dichvucong.hatinh.gov.vn). | | | | | | |
| **2.3** | **Thành phần hồ sơ, bao gồm:** | | | | | **Bản chính** | **Bản sao** |
| - | Tờ khai đề nghị xác nhận thông tin hộ tịch (nếu người có yêu cầu lựa chọn nộp hồ sơ theo hình thức trực tiếp); | | | | | x |  |
| - | Mẫu điện tử tương tác đề nghị xác nhận thông tin hộ tịch (do người yêu cầu cung cấp thông tin theo hướng dẫn trên Cổng dịch vụ công, nếu người có yêu cầu lựa chọn nộp hồ sơ theo hình thức trực tuyến); | | | | |  |  |
| - | Người có yêu cầu xác nhận thông tin hộ tịch thực hiện việc nộp/xuất trình (theo hình thức trực tiếp) hoặc tải lên (theo hình thức trực tuyến) các giấy tờ sau: | | | | |  |  |
|  | **\* Giấy tờ phải nộp:** | | | | |  |  |
| **+** | Giấy tờ, tài liệu có liên quan đến nội dung đề nghị xác nhận thông tin hộ tịch; | | | | | x |  |
| **+** | Văn bản ủy quyền (được chứng thực) theo quy định của pháp luật trong trường hợp ủy quyền thực hiện việc xin cấp xác nhận thông tin hộ tịch. Trường hợp người được ủy quyền là ông, bà, cha, mẹ, con, vợ, chồng, anh, chị, em ruột của người ủy quyền thì văn bản ủy quyền không phải chứng thực. | | | | | x |  |
|  | **\* Giấy tờ phải xuất trình:** | | | | |  |  |
| **+** | Hộ chiếu hoặc chứng minh nhân dân hoặc thẻ căn cước công dân hoặc các giấy tờ khác có dán ảnh và thông tin cá nhân do cơ quan có thẩm quyền cấp, còn giá trị sử dụng để chứng minh về nhân thân của người có yêu cầu cấp xác nhận thông tin hộ tịch. Trường hợp các thông tin cá nhân trong các giấy tờ này đã có trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, được hệ thống điền tự động thì không phải xuất trình (theo hình thức trực tiếp) hoặc tải lên (theo hình thức trực tuyến); | | | | | x |  |
| **+** | Giấy tờ có giá trị chứng minh thông tin về cư trú trong trường hợp cơ quan quản lý Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử không thể khai thác được thông tin về nơi cư trú của công dân theo các phương thức quy định tại khoản 2 Điều 14 Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022 của Chính phủ. Trường hợp các thông tin về giấy tờ chứng minh nơi cư trú đã được khai thác từ Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư bằng các phương thức này thì người có yêu cầu không phải xuất trình (theo hình thức trực tiếp) hoặc tải lên (theo hình thức trực tuyến). | | | | | x |  |
|  | **\* Lưu ý khi nộp hồ sơ:**  - Đối với giấy tờ nộp, xuất trình nếu người yêu cầu nộp hồ sơ theo hình thức trực tiếp:  + Đối với giấy tờ xuất trình khi đăng ký hộ tịch, người tiếp nhận có trách nhiệm kiểm tra, đối chiếu với thông tin trong tờ khai, chụp lại hoặc ghi lại thông tin để lưu trong hồ sơ và trả lại cho người xuất trình, không được yêu cầu nộp bản sao hoặc bản chụp giấy tờ đó.  + Người yêu cầu đăng ký hộ tịch có thể nộp bản sao chứng thực từ bản chính hoặc bản sao được cấp từ sổ gốc hoặc bản chụp kèm theo bản chính giấy tờ để đối chiếu. Trường hợp người yêu cầu nộp bản chụp kèm theo bản chính giấy tờ thì người tiếp nhận có trách nhiệm kiểm tra, đối chiếu bản chụp với bản chính và ký xác nhận, không được yêu cầu người đi đăng ký nộp bản sao giấy tờ đó.  + Người tiếp nhận có trách nhiệm tiếp nhận đúng, đủ hồ sơ đăng ký hộ tịch theo quy định của pháp luật hộ tịch, không được yêu cầu người đăng ký hộ tịch nộp thêm giấy tờ mà pháp luật hộ tịch không quy định phải nộp.  - Trường hợp gửi hồ sơ qua hệ thống bưu chính thì phải gửi kèm theo bản sao có chứng thực các giấy tờ phải xuất trình.  - Đối với giấy tờ gửi kèm theo nếu người yêu cầu nộp hồ sơ theo hình thức trực tuyến:  + Bản chụp các giấy tờ gửi kèm theo hồ sơ cấp xác nhận thông tin hộ tịch trực tuyến phải bảo đảm rõ nét, đầy đủ, toàn vẹn về nội dung, là bản chụp bằng máy ảnh, điện thoại hoặc được chụp, được quét bằng thiết bị điện tử, từ giấy tờ được cấp hợp lệ, còn giá trị sử dụng; nếu là giấy tờ do cơ quan có thẩm quyền nước ngoài cấp thì phải được hợp pháp hóa lãnh sự, dịch sang tiếng Việt theo quy định, trừ trường hợp được miễn hợp pháp hóa lãnh sự.  + Trường hợp nhận kết quả (Văn bản xác nhận thông tin hộ tịch) tại cơ quan đăng ký hộ tịch, người có yêu cầu cấp xác nhận thông tin hộ tịch xuất trình giấy tờ tuỳ thân; nộp bản chụp các giấy tờ, tài liệu có liên quan đến nội dung đề nghị xác nhận thông tin hộ tịch theo quy định pháp luật hộ tịch. Trường hợp giấy tờ, tài liệu phải gửi kèm trong hồ sơ cấp xác nhận thông tin hộ tịch trực tiếp hoặc trực tuyến đã có bản sao điện tử hoặc đã có bản điện tử giấy tờ hộ tịch thì người yêu cầu được sử dụng bản điện tử này. | | | | | | |
| **2.4** | **Số lượng hồ sơ:** 01 bộ | | | | | | |
| **2.5** | **Thời hạn giải quyết:** 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. Trường hợp phải kiểm tra, xác minh thì thời hạn có thể kéo dài nhưng không quá 10 ngày làm việc. | | | | | | |
| **2.6** | **Địa điểm tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC:**  - Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Hà Tĩnh - Số 02A, đường Nguyễn Chí Thanh, thành phố Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh;  - Cổng Dịch vụ công Quốc gia <https://dichvucong.gov.vn> hoặc Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh Hà Tĩnh <http://dichvucong.hatinh.gov.vn> (chỉ tiếp nhận hồ sơ). | | | | | | |
| **2.7** | **Cơ quan thực hiện:** Sở Tư pháp Hà Tĩnh.  **Cơ quan có thẩm quyền quyết định:** Sở Tư pháp Hà Tĩnh.  **Cơ quan được ủy quyền:** Không.  **Cơ quan phối hợp:** Cơ quan công an, các cơ quan khác có liên quan. | | | | | | |
| **2.8** | **Đối tượng thực hiện TTHC:** Cơ quan, tổ chức, cá nhân. | | | | | | |
| **2.9** | **Kết quả giải quyết TTHC:**  - Nếu hồ sơ đủ điều kiện:  + Văn bản xác nhận thông tin hộ tịch.  + Bản điện tử Xác nhận thông tin hộ tịch (Bản điện tử sẽ tự động gửi về Kho quản lý dữ liệu điện tử của cá nhân/địa chỉ thư điện tử/thiết bị số/điện thoại của người yêu cầu sau khi đã hoàn tất thủ tục xác nhận thông tin hộ tịch tại cơ quan đăng ký hộ tịch).  - Nếu hồ sơ không đủ điều kiện: Văn bản từ chối xác nhận thông tin hộ tịch. | | | | | | |
| **2.10** | **Quy trình xử lý công việc** | | | | | | |
| **TT** | **Trình tự** | | **Trách nhiệm** | **Thời gian** | **Biểu mẫu/Kết quả** | | |
| B1 | 1. Tiếp nhận hồ sơ.  - Tiếp nhận hồ sơ trực tiếp từ cá nhân hoặc từ hệ thống bưu chính hoặc trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công Quốc gia (https://dichvucong.gov.vn) hoặc Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh Hà Tĩnh (<https://dichvucong.hatinh.gov.vn>).  2. Công chức TN&TKQ kiểm tra hồ sơ:  - Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ: Hướng dẫn người nộp hồ sơ bổ sung, hoàn thiện theo quy định, nếu không bổ sung hoàn thiện được thì từ chối tiếp nhận hồ sơ.  - Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ thì tiếp nhận hồ sơ, thu phí theo quy định.  Sau khi tiếp nhận hồ sơ theo hình thức nộp trực tiếp, công chức TN&TKQ thực hiện số hóa (sao chụp, chuyển thành tài liệu điện tử trên hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu) và ký số vào tài liệu, hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính đã được số hóa theo quy định. | | Công chức TN&TKQ | Giờ hành chính | Mẫu 01; 02, 03 (nếu có); 06 và Hồ sơ theo mục 2.3 | | |
| B2 | Chuyển cho công chức Phòng Hành chính và Bổ trợ tư pháp (HC&BTTP) để xử lý. | | Công chức TN&TKQ | 02 giờ | Mẫu 01, 05 và hồ sơ kèm theo | | |
| B3 | Duyệt hồ sơ, chuyển cho Chuyên viên xử lý | | Lãnh đạo phòng HC&BTTP | 02 giờ | Mẫu 05 và hồ sơ kèm theo | | |
| B4 | - Thẩm tra hồ sơ (thẩm tra tính thống nhất, hợp lệ của các thông tin trong hồ sơ, giấy tờ, tài liệu do người yêu cầu nộp, xuất trình hoặc đính kèm).  - Nếu thấy hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, đúng quy định, thông tin trong Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử và thông tin đề nghị xác nhận là đúng:  + Trường hợp tiếp nhận hồ sơ cấp xác nhận thông tin hộ tịch theo hình thức trực tiếp, thì công chức xử lý hồ sơ in Văn bản xác nhận thông tin hộ tịch, trình Lãnh đạo Phòng xem xét, duyệt theo bước B8.  Đối với yêu cầu xác nhận thông tin hộ tịch của cá nhân, nếu thấy thông tin hộ tịch của cá nhân không có sự thay đổi thì công chức xử lý báo cáo Lãnh đạo Phòng không cấp Văn bản xác nhận thông tin hộ tịch mà hướng dẫn người yêu cầu làm thủ tục cấp bản sao Giấy khai sinh hoặc bản sao trích lục hộ tịch tương ứng, trừ trường hợp cơ quan, tổ chức có thẩm quyền đề nghị cấp văn bản xác nhận để giải quyết vụ việc liên quan đến cá nhân.  + Trường hợp tiếp nhận hồ sơ xin cấp xác nhận thông tin hộ tịch theo hình thức trực tuyến, công chức xử lý hồ sơ gửi lại biểu mẫu Xác nhận thông tin hộ tịch điện tử với thông tin đầy đủ cho người yêu cầu qua thư điện tử hoặc thiết bị số.  Người yêu cầu có trách nhiệm kiểm tra tính chính xác, đầy đủ của các thông tin trên biểu mẫu Xác nhận thông tin hộ tịch điện tử và xác nhận (tối đa một ngày).  Nếu người có yêu cầu xác nhận thông tin đã thống nhất, đầy đủ hoặc không có phản hồi sau thời hạn yêu cầu thì công chức làm công tác hộ tịch in Văn bản xác nhận thông tin hộ tịch, trình Lãnh đạo phòng. Chuyển thực hiện từ bước B8 đến B11.  - Trường hợp cần xác minh thêm thông tin thì chuyển thực hiện từ bước B5 đến B11. | | Công chức Phòng HC&BTTP | 01 ngày | Mẫu 05; Văn bản xác nhận thông tin hộ tịch. | | |
| B5 | Báo cáo Lãnh đạo Sở có văn bản đề nghị cơ quan công an, các cơ quan khác có liên quan xác minh theo quy định tại khoản 3 Điều 13 Nghị định số 87/2020/NĐ-CP. | | Công chức Phòng HC&BTTP | 01 ngày | Mẫu 05; Văn bản đề nghị xác minh thông tin hộ tịch | | |
| B6 | Xác minh thông tin hộ tịch | | Cơ quan công an, các cơ quan khác có liên quan | 05 ngày | Mẫu 05; Văn bản trả lời đề nghị xác minh thông tin hộ tịch | | |
| B7 | - Trường hợp kết quả xác minh không có thông tin hoặc thông tin không thống nhất với giấy tờ người yêu cầu cung cấp thì dự thảo Văn bản từ chối cấp văn bản xác nhận thông tin hộ tịch .  - Trường hợp kết quả xác minh thông tin thống nhất với giấy tờ thì dự thảo Văn bản xác nhận thông tin hộ tịch. | | Công chức Phòng HC&BTTP | 01 ngày | Mẫu 05; Văn bản xác nhận thông tin hộ tịch hoặc Văn bản từ chối xác nhận thông tin hộ tịch | | |
| B8 | Xem xét, duyệt kết quả thực hiện tại bước B4 và B7 | | Lãnh đạo phòng HC&BTTP | 0,5 ngày | Mẫu 05; Văn bản xác nhận thông tin hộ tịch hoặc Văn bản từ chối xác nhận thông tin hộ tịch | | |
| B9 | Ký duyệt kết quả giải quyết tại bước B8. | | Lãnh đạo Sở | 0,5 | Mẫu 05; Văn bản xác nhận thông tin hộ tịch hoặc Văn bản từ chối xác nhận thông tin hộ tịch | | |
| B10 | Đóng dấu văn bản và chuyển kết quả cho công chức TN&TKQ để trả cho cá nhân. | | Văn thư; Công chức phòng HC&BTTP | 0,5 ngày | Mẫu 05, 06; Văn bản xác nhận thông tin hộ tịch hoặc Văn bản từ chối xác nhận thông tin hộ tịch | | |
| B11 | Trả kết quả cho người dân. Người có yêu cầu cấp xác nhận thông tin hộ tịch được nhận kết quả theo một trong các phương thức sau đây:  + Nhận bản điện tử Văn bản xác nhận thông tin hộ tịch gửi qua thư điện tử, Kho quản lý dữ liệu điện tử của tổ chức, cá nhân đó;  + Nhận bản điện tử Văn bản xác nhận thông tin hộ tịch gửi vào thiết bị số, thông qua phương pháp truyền số liệu phù hợp, đảm bảo an toàn, bảo mật thông tin;  + Nhận kết quả là Văn bản xác nhận thông tin hộ tịch thông qua hệ thống bưu chính;  + Nhận kết quả là Văn bản xác nhận thông tin hộ tịch tại cơ quan đăng ký hộ tịch. | | Công chức TN&TKQ | Giờ hành chính | Mẫu 01, 06; Văn bản xác nhận thông tin hộ tịch hoặc Văn bản từ chối xác nhận thông tin hộ tịch | | |
|  | \* Trường hợp đến hẹn nhưng chưa có kết quả, trong thời gian chậm nhất 01 ngày trước ngày hết hạn xử lý trả kết quả Sở Tư pháp ban hành phiếu xin lỗi và hẹn lại ngày trả kết quả để gửi cho tổ chức, cá nhân.  \* Trong quá trình giải quyết hồ sơ người có trách nhiệm thực hiện cần thực hiện đồng thời các thao tác tiếp nhận/chuyển/trả hồ sơ, kết quả giải quyết trên Cổng Dịch vụ công Quốc gia tại địa chỉ <https://dichvucong.gov.vn> hoặc Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh Hà Tĩnh tại địa chỉ <https://dichvucong.hatinh.gov.vn> với các bước trong quy trình. | | | | | | |
| **3** | **BIỂU MẪU** | | | | | | |
|  | Mẫu 01 | Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả | | | | | |
|  | Mẫu 02 | Phiếu yêu cầu bổ sung hoàn thiện hồ sơ | | | | | |
|  | Mẫu 03 | Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ | | | | | |
|  | Mẫu 04 | Phiếu xin lỗi và hẹn lại ngày trả kết quả | | | | | |
|  | Mẫu 05 | Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ | | | | | |
|  | Mẫu 06 | Sổ theo dõi hồ sơ | | | | | |
|  | BM.HT.02.01 | Tờ khai đề nghị xác nhận thông tin hộ tịch (nếu nộp hồ sơ theo hình thức trực tiếp). | | | | | |
|  | BM.HT.02.02 | Mẫu điện tử tương tác đề nghị xác nhận thông tin hộ tịch (nếu nộp hồ sơ theo hình thức trực tuyến). | | | | | |
| **4** | **HỒ SƠ LƯU**: | | | | | | |
| - | Mẫu 01; 02, 03, 04 (nếu có); 06 lưu tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh. Mẫu 01, 05 lưu theo hồ sơ; | | | | | | |
| - | Hồ sơ đầu vào theo mục 2.3; | | | | | | |
| - | Văn bản đề nghị xác minh thông tin hộ tịch (nếu có); | | | | | | |
| - | Văn bản xác nhận thông tin hộ tịch hoặc Văn bản từ chối xác nhận thông tin hộ tịch; | | | | | | |
| - | Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh Hà Tĩnh. | | | | | | |
| Hồ sơ được lưu tại Phòng HC&BTTP, thời gian lưu trữ hồ sơ xác nhận thông tin hộ tịch thực hiện lưu theo quy định của Luật Hộ tịch và các văn bản hướng dẫn thi hành. | | | | | | | |

**III. LĨNH VỰC LÝ LỊCH TƯ PHÁP**

**1. Cấp Phiếu lý lịch tư pháp cho công dân Việt Nam, người nước ngoài đang cư trú tại Việt Nam**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **1** | **KÝ HIỆU QUY TRÌNH** | | | **QT.LLTP.01** | | |
| **2** | **NỘI DUNG QUY TRÌNH** | | | | | |
| **2.1** | **Điều kiện thực hiện TTHC:** | | | | | |
|  | Không. | | | | | |
| **2.2** | **Cách thức thực hiện TTHC:** | | | | | |
|  | - Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi hồ sơ qua dịch vụ bưu chính công ích đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh - Số 02A, đường Nguyễn Chí Thanh, thành phố Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh;  - Nộp hồ sơ trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công Quốc gia (https://dichvucong.gov.vn) hoặc Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh Hà Tĩnh (<https://dichvucong.hatinh.gov.vn>).  *-*  *Nhận kết quả tại nơi nộp hồ sơ hoặc nhận kết quả qua dịch vụ bưu chính hoặc nhận kết quả bản điện tử qua Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh (đối với trường hợp nộp hồ sơ yêu cầu cấp Phiếu qua Cổng dịch vụ công quốc gia hoặc Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh).* | | | | | |
| **2.3** | **Thành phần hồ sơ, bao gồm:** | | | | **Bản chính** | **Bản sao** |
| **-** | *Tờ khai yêu cầu cấp Phiếu lý lịch tư pháp, theo mẫu BM.LLTP.01.01 hoặc mẫu BM.LLTP.01.02 (trong trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp, qua bưu chính);*  *Trường hợp người có yêu cầu cấp Phiếu lý lịch tư pháp nộp hồ sơ trực tuyến thì sử dụng Tờ khai yêu cầu cấp Phiếu lý lịch tư pháp điện tử tương tác theo BM.LLTP.01.03 hoặc mẫu BM.LLTP.01.04.* | | | | x |  |
| **-** | Chứng minh nhân dân *hoặc Thẻ căn cước* hoặc Thẻ Căn cước công dân hoặc hộ chiếu của người được cấp Phiếu lý lịch tư pháp (*Trường hợp nộp bản chụp thì phải xuất trình bản chính để đối chiếu. Trường hợp không có bản chính để đối chiếu thì nộp bản sao có chứng thực theo quy định của pháp luật*) | | | |  | x |
| **-** | Trường hợp người được miễn, giảm phí cung cấp thông tin lý lịch tư pháp phải nộp các giấy tờ tương ứng chứng minh thuộc đối tượng được miễn, giảm. | | | |  | x |
| **-** | Văn bản ủy quyền trong trường hợp ủy quyền cho người khác làm thủ tục yêu cầu cấp Phiếu lý lịch tư pháp số 1 (trường hợp người được ủy quyền là cha, mẹ, vợ, chồng, con của người ủy quyền thì không cần văn bản ủy quyền). Văn bản ủy quyền phải được công chứng, chứng thực theo quy định của pháp luật Việt Nam.  *Người được ủy quyền phải xuất trình Chứng minh nhân dân hoặc Thẻ Căn cước hoặc Thẻ Căn cước công dân hoặc Hộ chiếu khi thực hiện thủ tục yêu cầu cấp Phiếu lý lịch tư pháp.*  *Trường hợp người có yêu cầu cấp Phiếu lý lịch tư pháp nộp hồ sơ bằng hình thức trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia hoặc Cổng dịch vụ công tỉnh Hà Tĩnh thì không cần đính kèm bản sao Chứng minh nhân dân hoặc Thẻ Căn cước hoặc Thẻ Căn cước công dân hoặc Hộ chiếu.*  *Cá nhân yêu cầu cấp Phiếu lý lịch tư pháp số 2 không được ủy quyền cho người khác làm thủ tục yêu cầu cấp Phiếu lý lịch tư pháp.* | | | | x |  |
| - | Trường hợp có yêu cầu xóa án tích thuộc trường hợp đương nhiên xóa án tích, hồ sơ phải có các giấy tờ sau: | | | | | |
| **+** | Đơn xin xóa án tích *(*có xác nhận của UBND cấp xã hoặc Công an cấp xã nơi đăng ký thường trú)*;* | | | | x |  |
| + | Giấy chứng nhận chấp hành xong án phạt tù (đối với án phạt tù giam) hoặc Giấy chứng nhận chấp hành xong thử thách án treo (đối với án phạt tù nhưng cho hưởng án treo); | | | | x |  |
| + | Biên lai nộp án phí, trách nhiệm dân sự (nếu có) hoặc Giấy chứng nhận chấp hành xong án phí và nghĩa vụ dân sự (nếu có); | | | | x |  |
|  | **Lưu ý khi nộp hồ sơ:**  Đối với bản sao thì xuất trình bản chính để đối chiếu, không phải chứng thực. Trường hợp không có bản chính để đối chiếu thì nộp bản sao có chứng thực; Trường hợp nộp hồ sơ qua đường bưu điện thì phải gửi bản sao có chứng thực; Trường hợp nộp hồ sơ qua hệ thống đăng ký trực tuyến thì phải gửi bản scan từ bản chính. | | | | | |
| **2.4** | **Số lượng hồ sơ:** 01 bộ.  Trường hợp có yêu cầu xóa án tích thuộc trường hợp đương nhiên xóa án tích: 02 bộ (trong đó có 01 bộ hồ sơ gốc hoặc chứng thực). | | | | | |
| **2.5** | **Thời hạn giải quyết:**  - 08 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.  - Đối với trường hợp người được cấp Phiếu lý lịch tư pháp là công dân Việt Nam đã cư trú nhiều nơi hoặc có thời gian cư trú ở nước ngoài, người nước ngoài, trường hợp phải xác minh điều kiện đương nhiên được xóa án tích thì thời hạn không quá 15 ngày làm việc. | | | | | |
| **2.6** | **Địa điểm tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC:**  - Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Hà Tĩnh - Số 02A, đường Nguyễn Chí Thanh, TP Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh.  - Cổng Dịch vụ công Quốc gia (https://dichvucong.gov.vn) hoặc Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh Hà Tĩnh (<https://dichvucong.hatinh.gov.vn>). | | | | | |
| **2.7** | **Cơ quan thực hiện:** Sở Tư pháp Hà Tĩnh.  *Công dân Việt Nam nộp tại Sở Tư pháp nơi người đó thường trú; trường hợp không có nơi thường trú thì nộp tại Sở Tư pháp nơi người đó tạm trú; trường hợp cư trú ở nước ngoài thì nộp tại Sở Tư pháp nơi cư trú trước khi xuất cảnh.*  *Người nước ngoài cư trú tại Việt Nam thì nộp tại Sở Tư pháp nơi người đó cư trú.*  **Cơ quan có thẩm quyền quyết định:** Sở Tư pháp Hà Tĩnh.  **Cơ quan được ủy quyền:** Không.  **Cơ quan phối hợp:** Cơ quan công an; Cơ quan Tòa án; Cơ quan có thẩm quyền thuộc Bộ Quốc phòng; Trung tâm lý lịch tư pháp quốc gia; Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn. | | | | | |
| **2.8** | **Đối tượng thực hiện TTHC:** Cá nhân | | | | | |
| **2.9** | **Kết quả giải quyết TTHC:** Phiếu lý lịch tư pháp. | | | | | |
| **2.10** | **Quy trình xử lý công việc** | | | | | |
| **TT** | **Trình tự** | | **Trách nhiệm** | **Thời gian** | **Biểu mẫu/Kết quả** | |
| B1 | 1. Tiếp nhận hồ sơ.  - Tiếp nhận hồ sơ trực tiếp từ cá nhân hoặc từ hệ thống bưu chính hoặc trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia  (https://dichvucong.gov.vn) hoặc Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh Hà Tĩnh  (https://dichvucong.hatinh.gov.vn).  2. Công chức TN&TKQ kiểm tra hồ sơ:  - Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ: Hướng dẫn người nộp hồ sơ bổ sung, hoàn thiện theo quy định, nếu không bổ sung hoàn thiện được thì từ chối tiếp nhận hồ sơ.  - Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ thì tiếp nhận hồ sơ, thu phí theo quy định. | | Cán bộ TN&TKQ | Giờ hành chính | Mẫu 01, 02, 03 (nếu có), 06 và Hồ sơ theo mục 2.3 | |
| B2 | Chuyển hồ sơ cho Phòng Hành chính và Bổ trợ tư pháp (HC&BTTP) xử lý. | | Cán bộ TN&TKQ | 02 giờ | Mẫu 01, 05 và Hồ sơ kèm theo | |
| B3 | Phân công chuyên viên thụ lý hồ sơ và giải quyết công việc theo quy định | | Lãnh đạo HC&BTTP | 02 giờ | Mẫu 05 và Hồ sơ kèm theo | |
| B4 | *Đối với các hồ sơ nộp trực tiếp, qua bưu chính hoặc trực tuyến trên Cổng dịch vụ công:* Nhập thông tin gửi tra cứu xác minh tại Công an tỉnh hoặc Trung tâm lý lịch tư pháp quốc gia.  *Đối với trường hợp nộp hồ sơ qua VNeID:* tiếp nhận thông tin từ Cổng dịch vụ công tỉnh vào Phần mềm Quản lý LLTP, thực hiện tra cứu xác minh theo quy trình.  Đối với trường hợp tự tra cứu được trên phần mềm lý lịch tư pháp thì không phải chuyển Công an tỉnh hoặc Trung tâm lý lịch tư pháp quốc gia. | | Công chức được giao xử lý hồ sơ | 01 ngày | Mẫu 05 kèm hồ sơ | |
| B5 | Trả lời kết quả tra cứu, xác minh:  Đối với trường hợp người yêu cầu cấp Phiếu lý lịch tư pháp không phải là công dân Việt Nam đã cư trú nhiều nơi hoặc có thời gian cư trú ở nước ngoài, người nước ngoài hoặc không thuộc trường hợp phải xác minh điều kiện đương nhiên được xóa án tích | | Công an tỉnh/Trung tâm lý lịch tư pháp quốc gia | 05 ngày | Mẫu 05 và Thông báo kết quả xác minh | |
| Đối với trường hợp người yêu cầu cấp Phiếu lý lịch tư pháp là công dân Việt Nam đã cư trú nhiều nơi hoặc có thời gian cư trú ở nước ngoài, người nước ngoài; trường hợp phải xác minh điều kiện đương nhiên được xóa án tích. | | 12 ngày |
| B6 | *Đối với kết quả Phiếu LLTP bản giấy*: Nhập kết quả và in phiếu lý lịch tư pháp trình lãnh đạo phòng ký mục người thực hiện và trình lãnh đạo Sở ký cấp phiếu.  *Đối với kết quả Phiếu LLTP bản điện tử* (*áp dụng cho các trường hợp yêu cầu cấp Phiếu LLTP qua ứng dụng VNeID*): Trình lãnh đạo phòng và lãnh đạo Sở ký số. | | Công chức được giao xử lý hồ sơ; Lãnh đạo phòng HC&BTTP | 04 giờ | Mẫu 05 và Phiếu tra cứu, dự thảo Phiếu lý lịch tư pháp | |
| Đối với những trường hợp tự tra cứu trên phần mềm lý lịch tư pháp, cán bộ xử lý thực hiện tra cứu và lập phiếu tra cứu, nhập kết quả và in phiếu trình lãnh đạo phòng ký phiếu tra cứu và mục người lập phiếu tại phiếu LLTP và trình lãnh đạo Sở ký cấp phiếu | |
| B7 | *Ký phiếu lý lịch tư pháp bản giấy và bản điện tử* | | Lãnh đạo Sở Tư pháp | 04 giờ | Mẫu 05 và Phiếu lý lịch tư pháp đã ký | |
| B8 | Đóng dấu bản giấy và chuyển Bộ phận TN&TKQ; *phát hành bản điện tử* | | Văn thư Sở Tư pháp | 04 giờ | Mẫu 05, 06 và Phiếu lý lịch tư pháp | |
| B9 | *Trả kết quả bản giấy cho cá nhân; bản điện tử trả về tài khoản VNeID của cá nhân đã nộp hồ sơ.* | | Công chức TN&TKQ | Giờ hành chính | Mẫu 01, 06 và Phiếu lý lịch tư pháp | |
|  | \* Trường hợp hồ sơ quá hạn xử lý, trong thời gian chậm nhất 01 giờ trước giờ hết hạn xử lý Sở Tư pháp ban hành phiếu xin lỗi và hẹn lại ngày trả kết quả chuyển sang Bộ phận TN&TKQ để gửi cho tổ chức, cá nhân.  \* Trong quá trình giải quyết hồ sơ người có trách nhiệm thực hiện cần thực hiện đồng thời các thao tác tiếp nhận/chuyển/trả hồ sơ, kết quả giải quyết trên Cổng Dịch vụ công Quốc gia tại địa chỉ <https://dichvucong.gov.vn> hoặc Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh Hà Tĩnh tại địa chỉ <https://dichvucong.hatinh.gov.vn> với các bước trong quy trình. | | | | | |
| **3** | **BIỂU MẪU** | | | | | |
|  | Mẫu 01 | Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả | | | | |
|  | Mẫu 02 | Phiếu yêu cầu bổ sung hoàn thiện hồ sơ | | | | |
|  | Mẫu 03 | Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ | | | | |
|  | Mẫu 04 | Phiếu xin lỗi và hẹn lại ngày trả kết quả | | | | |
|  | Mẫu 05 | Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ | | | | |
|  | Mẫu 06 | Sổ theo dõi hồ sơ | | | | |
|  | *BM.LLTP.01.01* | *Tờ khai yêu cầu cấp Phiếu lý lịch tư pháp (dùng cho cá nhân yêu cầu cấp Phiếu lý lịch tư pháp trực tiếp, qua bưu chính)* | | | | |
|  | *BM.LLTP.01.02* | *Tờ khai yêu cầu cấp Phiếu lý lịch tư pháp (dùng cho cá nhân trong trường hợp ủy quyền yêu cầu cấp Phiếu lý lịch tư pháp số 1 và cha, mẹ của người chưa thành niên yêu cầu cấp Phiếu lý lịch tư pháp số 1, số 2 thực hiện trực tiếp, qua bưu chính)* | | | | |
|  | *BM.LLTP.01.03* | *Tờ khai yêu cầu cấp Phiếu lý lịch tư pháp điện tử tương tác (dùng cho cá nhân yêu cầu cấp Phiếu lý lịch tư pháp trực tuyến)* | | | | |
|  | *BM.LLTP.01.04* | *Tờ khai yêu cầu cấp Phiếu lý lịch tư pháp điện tử tương tác (dùng cho cá nhân yêu cầu cấp Phiếu lý lịch tư pháp trực tuyến)* | | | | |
| **4** | **HỒ SƠ LƯU** | | | | | |
| **-** | Mẫu 01; 02, 03, 04 (nếu có) và 06 lưu tại Bộ phận TN&TKQ của Sở Tư pháp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh. Mẫu 01, 05 lưu theo hồ sơ; | | | | | |
| **-** | Hồ sơ đầu vào theo mục 2.3; | | | | | |
| **-** | Văn bản xác minh gửi Công an tỉnh hoặc Trung tâm lý lịch tư pháp quốc gia; | | | | | |
| **-** | Văn bản trả lời kết quả xác minh của Công an tỉnh hoặc Trung tâm lý lịch tư pháp quốc gia hoặc Phiếu tra cứu; | | | | | |
| **-** | Phiếu lý lịch tư pháp; | | | | | |
| **-** | Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của tỉnh. | | | | | |
| Hồ sơ được lưu tại Sở Tư pháp, thời gian lưu trữ hồ sơ cấp phiếu của công dân Việt Nam là 01 năm, của người nước ngoài là 20 năm. Sau thời gian trên thực hiện tiêu hủy theo quy định. | | | | | | |

**2. Cấp Phiếu lý lịch tư pháp cho cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội (đối tượng là công dân Việt Nam, người nước ngoài đang cư trú tại Việt Nam)**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **1** | **KÝ HIỆU QUY TRÌNH** | | | | **QT.LLTP.02** | | | |
| **2** | **NỘI DUNG QUY TRÌNH** | | | | | | | |
| **2.1** | **Điều kiện thực hiện TTHC:** | | | | | | | |
|  | Không. | | | | | | | |
| **2.2** | **Cách thức thực hiện TTHC:** | | | | | | | |
|  | - Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi hồ sơ qua dịch vụ bưu chính công ích đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh - Số 02A, đường Nguyễn Chí Thanh, thành phố Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh;  - Nộp hồ sơ trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công Quốc gia (https://dichvucong.gov.vn) hoặc Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh Hà Tĩnh (<https://dichvucong.hatinh.gov.vn>).  *- Nhận kết quả tại nơi nộp hồ sơ hoặc nhận kết quả qua dịch vụ bưu chính hoặc nhận kết quả bản điện tử qua Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh (đối với trường hợp nộp hồ sơ yêu cầu cấp Phiếu qua Cổng dịch vụ công quốc gia hoặc Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh).* | | | | | | | |
| **2.3** | **Thành phần hồ sơ, bao gồm:** | | | | | | **Bản chính** | **Bản sao** |
| **-** | *Văn bản yêu cầu cấp Phiếu lý lịch tư pháp số 01 dùng cho cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, theo mẫu BM.LLTP.02.01.*  *Trường hợp cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội gửi hồ sơ trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia hoặc Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của tỉnh thì sử dụng mẫu văn bản yêu cầu cấp Phiếu lý lịch tư pháp điện tử tương tác theo Mẫu BM.LLTP.02.01.* | | | | | | x |  |
| **2.4** | **Số lượng hồ sơ:** 01 bộ. | | | | | | | |
| **2.5** | **Thời hạn giải quyết:**  - 08 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.  - Đối với trường hợp người được cấp phiếu lý lịch tư pháp là công dân Việt Nam đã cư trú nhiều nơi hoặc có thời gian cư trú ở nước ngoài, người nước ngoài, trường hợp phải xác minh điều kiện đương nhiên được xóa án tích thì thời hạn không quá 15 ngày làm việc. | | | | | | | |
| **2.6** | **Địa điểm tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC:**  - Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Hà Tĩnh - Số 02A, đường Nguyễn Chí Thanh, TP Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh.  - Cổng Dịch vụ công Quốc gia (https://dichvucong.gov.vn) hoặc Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh Hà Tĩnh (<https://dichvucong.hatinh.gov.vn>). | | | | | | | |
| **2.7** | **Cơ quan thực hiện:** Sở Tư pháp.  **Cơ quan có thẩm quyền quyết định:** Sở Tư pháp.  **Cơ quan được ủy quyền:** Không.  **Cơ quan phối hợp:**  - Cơ quan công an: 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được Phiếu xác minh lý lịch tư pháp, cơ quan Công an cấp tỉnh thực hiện tra cứu thông tin về tình trạng án tích của đương sự và gửi cho Sở Tư pháp kết quả tra cứu. Trường hợp phải tra cứu thông tin trong hệ thống hồ sơ, tàng thư của Bộ Công an thì thời hạn không quá 09 ngày làm việc.  - Cơ quan Tòa án: Trường hợp sau khi tra cứu thông tin lý lịch tư pháp tại cơ quan Công an mà vẫn chưa đủ căn cứ để kết luận hoặc nội dung về tình trạng án tích của đương sự có điểm chưa rõ ràng, đầy đủ để khẳng định đương sự có án tích hay không có án tích.  - Cơ quan có thẩm quyền thuộc Bộ Quốc phòng: Trường hợp cấp Phiếu lý lịch tư pháp cho người đã từng là sĩ quan, hạ sĩ quan, binh sĩ, quân nhân chuyên nghiệp, công nhân viên quốc phòng.  - Trung tâm Lý lịch tư pháp quốc gia: Trường hợp công dân Việt Nam đã thường trú tại nhiều tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có thời gian cư trú ở nước ngoài; người nước ngoài cư trú tại Việt Nam từ ngày 01/7/2010.  - Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn; cơ quan, tổ chức, cơ quan tiến hành tố tụng có liên quan: trường hợp phối hợp xác minh về điều kiện đương nhiên được xóa án tích. | | | | | | | |
| **2.8** | **Đối tượng thực hiện TTHC:** Cơ quan, tổ chức | | | | | | | |
| **2.9** | **Kết quả giải quyết TTHC:** Phiếu lý lịch tư pháp. | | | | | | | |
| **2.10** | **Quy trình xử lý công việc** | | | | | | | |
| **TT** | **Trình tự** | | **Trách nhiệm** | **Thời gian** | | **Biểu mẫu/Kết quả** | | |
| B1 | 1. Tiếp nhận hồ sơ.  - Tiếp nhận hồ sơ trực tiếp từ tổ chức/ cá nhân hoặc từ bưu điện hoặc qua Cổng dịch vụ công trực tuyến của tỉnh: <http://dichvucong.hatinh.gov.vn> hoặc https://dichvucong.gov.vn.  2. Cán bộ TN&TKQ kiểm tra hồ sơ:  - Nếu hồ sơ đầy đủ, hợp lệ thì làm thủ tục tiếp nhận hồ sơ, hẹn trả kết quả cho tổ chức, cá nhân và yêu cầu nộp phí, lệ phí cho Trung tâm (nếu có).  - Nếu hồ sơ chưa đầy đủ hoặc không hợp lệ thì hướng dẫn bổ sung, hoàn thiện hồ sơ. Nếu không bổ sung, hoàn thiện được thì từ chối tiếp nhận hồ sơ. | | Công chức TN&TKQ | Giờ hành chính | | Mẫu 01, 02 (nếu có), 06 và Hồ sơ theo mục 2.3 | | |
| B2 | Chuyển hồ sơ cho Phòng Hành chính và Bổ trợ tư pháp (HC&BTTP) xử lý | | Công chức TN&TKQ | 02 giờ | | Mẫu 01, 05 và Hồ sơ kèm theo | | |
| B3 | Phân công chuyên viên thụ lý hồ sơ và giải quyết công việc theo quy định | | Lãnh đạo Phòng HC&BTTP | 02 giờ | | Mẫu 05 và Hồ sơ kèm theo | | |
| B4 | *Đối với các hồ sơ nộp trực tiếp, qua bưu chính hoặc trực tuyến trên Cổng dịch vụ công:* Nhập thông tin gửi tra cứu xác minh tại Công an tỉnh hoặc Trung tâm lý lịch tư pháp quốc gia.  *Đối với trường hợp nộp hồ sơ qua VNeID:* tiếp nhận thông tin từ Cổng dịch vụ công tỉnh vào Phần mềm Quản lý LLTP, thực hiện tra cứu xác minh theo quy trình.  Đối với trường hợp tự tra cứu được trên phần mềm lý lịch tư pháp thì không phải chuyển Công an tỉnh hoặc Trung tâm lý lịch tư pháp quốc gia. | | Công chức được giao xử lý hồ sơ | 01 ngày | | Mẫu 05 kèm hồ sơ | | |
| B5 | Trả lời kết quả tra cứu, xác minh  Đối với trường hợp người yêu cầu cấp Phiếu lý lịch tư pháp không phải là công dân Việt Nam đã cư trú nhiều nơi hoặc có thời gian cư trú ở nước ngoài, người nước ngoài hoặc không thuộc trường hợp phải xác minh điều kiện đương nhiên được xóa án tích | | Công an tỉnh/ Trung tâm lý lịch tư pháp quốc gia | 05 ngày | | Mẫu 05 và Thông báo kết quả xác minh | | |
| Đối với trường hợp người yêu cầu cấp Phiếu lý lịch tư pháp là công dân Việt Nam đã cư trú nhiều nơi hoặc có thời gian cư trú ở nước ngoài, người nước ngoài; trường hợp phải xác minh điều kiện đương nhiên được xóa án tích | | 12 ngày | |
| B6 | *Đối với kết quả Phiếu LLTP bản giấy*: Nhập kết quả và in phiếu lý lịch tư pháp trình lãnh đạo phòng ký mục người thực hiện và trình lãnh đạo Sở ký cấp phiếu.  *Đối với kết quả Phiếu LLTP bản điện tử* (*áp dụng cho các trường hợp yêu cầu cấp Phiếu LLTP qua ứng dụng VNeID*): Trình lãnh đạo phòng và lãnh đạo Sở ký số. | | Chuyên viên Phòng HC&BTTP/ Lãnh đạo phòng HC&BTTP | 04 giờ | | Mẫu 05 và Phiếu tra cứu, Dự thảo Phiếu lý lịch tư pháp | | |
| B7 | *Ký phiếu lý lịch tư pháp bản giấy và bản điện tử* | | Lãnh đạo Sở Tư pháp | 04 giờ | | Mẫu 05 và Phiếu lý lịch tư pháp đã ký | | |
| B8 | Đóng dấu bản giấy và chuyển Bộ phận TN&TKQ; *phát hành bản điện tử* | | Văn thư Sở Tư pháp | 04 giờ | | Mẫu 05, 06 và Phiếu lý lịch tư pháp | | |
| B9 | *Trả kết quả bản giấy cho cơ quan, tổ chức; bản điện tử trả về tài khoản VNeID của cá nhân đã nộp hồ sơ.* | | Công chức TN&TKQ | Giờ hành chính | | Mẫu 01, 06 kèm Phiếu lý lịch tư pháp | | |
|  | \* Trường hợp hồ sơ quá hạn xử lý, trong thời gian chậm nhất 01 ngày trước ngày hết hạn xử lý, Sở Tư pháp ban hành phiếu xin lỗi và hẹn lại ngày trả kết quả chuyển sang Bộ phận TN&TKQ để gửi cho tổ chức, cá nhân.  \* Trong quá trình giải quyết hồ sơ người có trách nhiệm thực hiện cần thực hiện đồng thời các thao tác tiếp nhận/chuyển/trả hồ sơ, kết quả giải quyết trên Cổng Dịch vụ công Quốc gia tại địa chỉ <https://dichvucong.gov.vn> hoặc Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh Hà Tĩnh tại địa chỉ <https://dichvucong.hatinh.gov.vn> với các bước trong quy trình. | | | | | | | |
| **3** | **BIỂU MẪU** | | | | | | | |
|  | Mẫu 01 | Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả | | | | | | |
|  | Mẫu 02 | Phiếu yêu cầu bổ sung hoàn thiện hồ sơ | | | | | | |
|  | Mẫu 03 | Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ | | | | | | |
|  | Mẫu 04 | Phiếu xin lỗi và hẹn lại ngày trả kết quả | | | | | | |
|  | Mẫu 05 | Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ | | | | | | |
|  | Mẫu 06 | Sổ theo dõi hồ sơ | | | | | | |
|  | *BM.LLTP.02.01* | *Văn bản yêu cầu cấp Phiếu lý lịch tư pháp số 1 dùng cho cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội* | | | | | | |
|  | *BM.LLTP.02.02* | *Văn bản yêu cầu cấp Phiếu lý lịch tư pháp điện tử tương tác* | | | | | | |
| **4** | **HỒ SƠ LƯU** | | | | | | | |
| **-** | Mẫu 01; 02, 03, 04 (nếu có); 06 lưu tại Bộ phận TN&TKQ của Sở Tư pháp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh. Mẫu 01, 05 lưu theo hồ sơ; | | | | | | | |
| **-** | Hồ sơ đầu vào theo mục 2.3; | | | | | | | |
| **-** | Thông báo kết quả xác minh hoặc Phiếu tra cứu; | | | | | | | |
| **-** | Phiếu lý lịch tư pháp; | | | | | | | |
| **-** | Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của tỉnh. | | | | | | | |
| Hồ sơ được lưu tại Sở Tư pháp, thời gian lưu trữ hồ sơ cấp phiếu của công dân Việt Nam là 01 năm, của người nước ngoài là 20 năm. Sau thời gian trên thực hiện tiêu hủy theo quy định. | | | | | | | | |

**3. Cấp Phiếu lý lịch tư pháp cho cơ quan tiến hành tố tụng (đối tượng là công dân Việt Nam, người nước ngoài đang cư trú tại Việt Nam)**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **1** | **KÝ HIỆU QUY TRÌNH** | | | | **QT.LLTP.03** | | |
| **2** | **NỘI DUNG QUY TRÌNH** | | | | | | |
| **2.1** | **Điều kiện thực hiện TTHC:** | | | | | | |
|  | Không. | | | | | | |
| **2.2** | **Cách thức thực hiện TTHC:** | | | | | | |
|  | - Thực hiện trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích đến Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh Hà Tĩnh - Số 02A, đường Nguyễn Chí Thanh, thành phố Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh.  - Qua Cổng Dịch vụ công Quốc gia (https://dichvucong.gov.vn) hoặc Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh Hà Tĩnh (<https://dichvucong.hatinh.gov.vn>).  *-*  *Nhận kết quả tại nơi nộp hồ sơ hoặc nhận kết quả qua dịch vụ bưu chính hoặc nhận kết quả bản điện tử qua Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh (đối với trường hợp nộp hồ sơ yêu cầu cấp Phiếu qua Cổng Dịch vụ công Quốc gia hoặc Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh).*  - Trong trường hợp khẩn cấp, người có thẩm quyền của cơ quan tiến hành tố tụng có thể yêu cầu cấp Phiếu lý lịch tư pháp qua điện thoại, fax hoặc bằng các hình thức khác và có trách nhiệm gửi văn bản yêu cầu trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày có yêu cầu cấp Phiếu lý lịch tư pháp. | | | | | | |
| **2.3** | **Thành phần hồ sơ, bao gồm:** | | | | | **Bản chính** | **Bản sao** |
| ***-*** | *Văn bản yêu cầu cấp Phiếu lý lịch tư pháp số 02 dùng cho cơ quan tiến hành tố tụng, theo mẫu BM.LLTP.03.01.* | | | | | x |  |
| **-** | *Trường hợp cơ quan tiến hành tố tụng gửi hồ sơ trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia hoặc Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính cấp tỉnh thì sử dụng mẫu văn bản yêu cầu cấp Phiếu lý lịch tư pháp điện tử tương tác theo Mẫu BM.LLTP.03.02.* | | | | | x |  |
| **2.4** | **Số lượng hồ sơ:** 01 bộ. | | | | | | |
| **2.5** | **Thời hạn giải quyết:**  - 08 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.  - Đối với trường hợp người được cấp phiếu lý lịch tư pháp là công dân Việt Nam đã cư trú nhiều nơi hoặc có thời gian cư trú ở nước ngoài, người nước ngoài, trường hợp phải xác minh điều kiện đương nhiên được xóa án tích thì thời hạn không quá 15 ngày làm việc.  - Trường hợp khẩn cấp quy định tại khoản 1 Điều 46 Luật Lý lịch tư pháp thì thời hạn không quá 24 giờ, kể từ thời điểm nhận được yêu cầu. | | | | | | |
| **2.6** | **Địa điểm tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC:**  - Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh Hà Tĩnh - Số 02A, đường Nguyễn Chí Thanh, thành phố Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh.  - Cổng Dịch vụ công Quốc gia (https://dichvucong.gov.vn) hoặc Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh Hà Tĩnh (<https://dichvucong.hatinh.gov.vn>). | | | | | | |
| **2.7** | **Cơ quan thực hiện:** Sở Tư pháp.  **Cơ quan có thẩm quyền quyết định:** Sở Tư pháp.  **Cơ quan được ủy quyền:** Không.  **Cơ quan phối hợp:**  - Cơ quan công an: 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được Phiếu xác minh lý lịch tư pháp, cơ quan Công an cấp tỉnh thực hiện tra cứu thông tin về tình trạng án tích của đương sự và gửi cho Sở Tư pháp kết quả tra cứu. Trường hợp phải tra cứu thông tin trong hệ thống hồ sơ, tàng thư của Bộ Công an thì thời hạn không quá 09 ngày làm việc.  - Cơ quan Tòa án: Trường hợp sau khi tra cứu thông tin lý lịch tư pháp tại cơ quan Công an mà vẫn chưa đủ căn cứ để kết luận hoặc nội dung về tình trạng án tích của đương sự có điểm chưa rõ ràng, đầy đủ để khẳng định đương sự có án tích hay không có án tích.  - Cơ quan có thẩm quyền thuộc Bộ Quốc phòng: Trường hợp cấp Phiếu lý lịch tư pháp cho người đã từng là sĩ quan, hạ sĩ quan, binh sĩ, quân nhân chuyên nghiệp, công nhân viên quốc phòng.  - Trung tâm Lý lịch tư pháp quốc gia: Trường hợp công dân Việt Nam đã thường trú tại nhiều tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có thời gian cư trú ở nước ngoài; người nước ngoài cư trú tại Việt Nam từ ngày 01/7/2010.  - Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn; cơ quan, tổ chức, cơ quan tiến hành tố tụng có liên quan: trường hợp phối hợp xác minh về điều kiện đương nhiên được xóa án tích. | | | | | | |
| **2.8** | **Đối tượng thực hiện TTHC:** Cơ quan, tổ chức | | | | | | |
| **2.9** | **Kết quả giải quyết TTHC:** Phiếu lý lịch tư pháp. | | | | | | |
| **2.10** | **Quy trình xử lý công việc** | | | | | | |
| **TT** | **Trình tự** | | **Trách nhiệm** | **Thời gian** | | **Biểu mẫu/Kết quả** | |
| B1 | 1. Tiếp nhận hồ sơ.  - Tiếp nhận hồ sơ trực tiếp từ tổ chức/cá nhân hoặc từ bưu điện hoặc qua Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh: <http://dichvucong.hatinh.gov.vn> hoặc https://dichvucong.gov.vn.  2. Cán bộ TN&TKQ kiểm tra hồ sơ:  - Nếu hồ sơ đầy đủ, hợp lệ thì làm thủ tục tiếp nhận hồ sơ, hẹn trả kết quả cho tổ chức, cá nhân và yêu cầu nộp phí, lệ phí cho Trung tâm (nếu có).  - Nếu hồ sơ chưa đầy đủ hoặc không hợp lệ thì hướng dẫn bổ sung, hoàn thiện hồ sơ. Nếu không bổ sung, hoàn thiện được thì từ chối tiếp nhận hồ sơ. | | Công chức TN&TKQ | Giờ hành chính | | Mẫu 01, 02 (nếu có), 06 và Hồ sơ theo mục 2.3 | |
| B2 | Chuyển hồ sơ cho Phòng HC&BTTP xử lý | | Công chức TN&TKQ | Trường hợp không khẩn cấp:  02 giờ  Trường hợp khẩn cấp: 01 giờ | | Mẫu 01, 05 và Hồ sơ kèm theo | |
| B3 | Phân công chuyên viên thụ lý hồ sơ và giải quyết công việc theo quy định | | Lãnh đạo Phòng HC&BTTP | Trường hợp không khẩn cấp:  02 giờ  Trường hợp khẩn cấp: 01 giờ | | Mẫu 05 và Hồ sơ kèm theo | |
| B4 | Trường hợp hồ sơ không thuộc diện khẩn cấp theo quy định tại Khoản 1 Điều 46 Luật Lý lịch tư pháp:  *Nhập thông tin gửi tra cứu xác minh tại Công an tỉnh hoặc Trung tâm lý lịch tư pháp quốc gia.*  Đối với trường hợp tự tra cứu được trên phần mềm lý lịch tư pháp thì không phải chuyển xác minh | | Chuyên viên Phòng HC&BTTP; Lãnh đạo phòng HC&BTTP | 01 ngày | | Mẫu 05 và hồ sơ | |
| Trường hợp hồ sơ thuộc diện khẩn cấp theo quy định tại Khoản 1 Điều 46 Luật Lý lịch tư pháp:  Nhập dữ liệu, liên hệ xác minh lý lịch tư pháp, nhập kết quả và in phiếu lý lịch tư pháp, trình lãnh đạo phòng ký mục người lập phiếu và trình lãnh đạo Sở ký cấp phiếu. Chuyển B7 | | 02 giờ | | Mẫu 05; Dự thảo Phiếu lý lịch tư pháp | |
| B5 | Trả lời kết quả tra cứu, xác minh:  Đối với trường hợp người yêu cầu cấp Phiếu lý lịch tư pháp không phải là công dân Việt Nam đã cư trú nhiều nơi hoặc có thời gian cư trú ở nước ngoài, người nước ngoài hoặc không thuộc trường hợp phải xác minh điều kiện đương nhiên được xóa án tích | | Công an tỉnh/ Trung tâm lý lịch tư pháp quốc gia | 05 ngày | | Mẫu 05 và Thông báo kết quả xác minh | |
| Đối với trường hợp người yêu cầu cấp Phiếu lý lịch tư pháp là công dân Việt Nam đã cư trú nhiều nơi hoặc có thời gian cư trú ở nước ngoài, người nước ngoài; trường hợp phải xác minh điều kiện đương nhiên được xóa án tích | | 12 ngày | |
| B6 | *Đối với kết quả Phiếu LLTP bản giấy*: Nhập kết quả và in phiếu lý lịch tư pháp trình lãnh đạo phòng ký mục người thực hiện và trình lãnh đạo Sở ký cấp phiếu.  *Đối với kết quả Phiếu LLTP bản điện tử* (*áp dụng cho các trường hợp yêu cầu cấp Phiếu LLTP qua ứng dụng VNeID*): Trình lãnh đạo phòng và lãnh đạo Sở ký số.  Đối với những trường hợp tự tra cứu trên phần mềm lý lịch tư pháp, cán bộ xử lý thực hiện tra cứu và lập phiếu tra cứu, nhập kết quả và in phiếu trình lãnh đạo phòng ký phiếu tra cứu và mục người lập phiếu tại phiếu LLTP và trình lãnh đạo Sở ký cấp phiếu | | Chuyên viên Phòng HC&BTTP | 04 giờ | | Mẫu 05 và Phiếu tra cứu, Dự thảo Phiếu lý lịch tư pháp | |
| B7 | *Ký phiếu lý lịch tư pháp bản giấy và bản điện tử* | | Lãnh đạo Sở Tư pháp | Trường hợp không khẩn cấp:  04 giờ  Trường hợp khẩn cấp: 01 giờ | | Mẫu 05 và Phiếu lý lịch tư pháp đã ký | |
| B8 | Đóng dấu bản giấy và chuyển Bộ phận TN&TKQ; *phát hành bản điện tử* | | Văn thư Sở Tư pháp | Trường hợp không khẩn cấp:  04 giờ  Trường hợp khẩn cấp: 02 giờ | | Mẫu 05, 06 và Phiếu lý lịch tư pháp | |
| B9 | *Trả kết quả bản giấy cho cơ quan, tổ chức; bản điện tử trả về tài khoản VNeID của cá nhân đã nộp hồ sơ.* | | Công chức TN&TKQ | Giờ hành chính | | Mẫu 01, 06 kèm Phiếu lý lịch tư pháp | |
|  | \* Trường hợp hồ sơ quá hạn xử lý, trong thời gian chậm nhất 01 ngày trước ngày hết hạn xử lý, Sở Tư pháp ban hành phiếu xin lỗi và hẹn lại ngày trả kết quả chuyển sang Bộ phận TN&TKQ để gửi cho tổ chức, cá nhân.  \* Trong quá trình giải quyết hồ sơ người có trách nhiệm thực hiện cần thực hiện đồng thời các thao tác tiếp nhận/chuyển/trả hồ sơ, kết quả giải quyết trên Cổng Dịch vụ công Quốc gia tại địa chỉ <https://dichvucong.gov.vn> hoặc Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh Hà Tĩnh tại địa chỉ <https://dichvucong.hatinh.gov.vn> với các bước trong quy trình. | | | | | | |
| **3** | **BIỂU MẪU** | | | | | | |
|  | Mẫu 01 | Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả | | | | | |
|  | Mẫu 02 | Phiếu yêu cầu bổ sung hoàn thiện hồ sơ | | | | | |
|  | Mẫu 03 | Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ | | | | | |
|  | Mẫu 04 | Phiếu xin lỗi và hẹn lại ngày trả kết quả | | | | | |
|  | Mẫu 05 | Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ | | | | | |
|  | Mẫu 06 | Sổ theo dõi hồ sơ | | | | | |
|  | *BM.LLTP.03.01* | *Văn bản yêu cầu cấp Phiếu lý lịch tư pháp số 02 dùng cho cơ quan tiến hành tố tụng* | | | | | |
|  | *BM.LLTP.03.02* | *Văn bản yêu cầu cấp Phiếu lý lịch tư pháp điện tử tương tác* | | | | | |
| **4** | **HỒ SƠ LƯU** | | | | | | |
| **-** | Mẫu 01; 02, 03, 04 (nếu có); 06 lưu tại Bộ phận TN&TKQ của Sở Tư pháp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh. Mẫu 01, 05 lưu theo hồ sơ; | | | | | | |
| **-** | Hồ sơ đầu vào theo mục 2.3; | | | | | | |
| **-** | Thông báo kết quả xác minh hoặc Phiếu tra cứu. | | | | | | |
| **-** | Phiếu lý lịch tư pháp; | | | | | | |
| **-** | Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của tỉnh. | | | | | | |
| Hồ sơ được lưu tại Sở Tư pháp, thời gian lưu trữ hồ sơ cấp phiếu của công dân Việt Nam là 01 năm, của người nước ngoài là 20 năm. | | | | | | | |